

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**CÔNG TY CỔ
PHẦN BAO BÌ VÀ
THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH
SƠN**

Số: 02 /NQ-BSPT

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên

Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN
C=VN, S=QUẢNG NGÃI, L=Bình
Sơn, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÌNH SƠN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:4300429492
2026.04.21 19:32:40+07'00'

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các hướng dẫn liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn liên quan;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2025 sửa đổi bổ sung ngày 02/12/2025;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn ngày 21 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2026; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025 và các Tờ trình đề xuất của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; với các nội dung chính như sau:

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu cơ bản

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành KH
I	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.350,20	1.452,20	108%
2	Tổng chi phí (chưa lương)	tỷ đồng	1.292,20	1.383,10	107%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	20,0	22,9	115%
4	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	12,7	13,1	103%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	17,1	20,0	117%

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành KH
II	Chỉ tiêu lao động tiền lương				
1	Lao động bình quân	người	300	292	97%
2	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	triệu đồng/ng/tháng	16,12	19,71	122%
3	Tiền lương bình quân	triệu đồng/ng/tháng	9,811	11,990	122%
4	Quỹ lương Người lao động và Ban điều hành	triệu đồng	35.319	42.595	121%
III	Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị	tỷ đồng	45,14	45,14	100%

1.2 Kế hoạch SXKD năm 2026

a) Nhiệm vụ kế hoạch

Năm 2026, Công ty sẽ bám sát các định hướng phát triển theo chỉ đạo của BSR, đồng thời căn cứ tình hình thực tế của thị trường để tổ chức triển khai phù hợp. Song song với đó, Công ty chủ động nhận diện các rủi ro và thách thức nhằm xây dựng các kịch bản ứng phó hiệu quả, đồng thời tìm kiếm và phát huy các động lực tăng trưởng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua việc tận dụng cơ hội và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tạo nền tảng và bước nhảy chiến lược của Công ty.

- Công tác sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì: Tập trung nghiên cứu, cải tiến, đầu tư thiết bị máy móc để nâng cao chất lượng, giảm chi phí giá thành sản phẩm bao bì; tối ưu hóa quy trình sản xuất, mở rộng danh sách nhà cung cấp, nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm.

- Công tác sản xuất sản phẩm Pallet gỗ: Tập trung cải tiến, đầu tư thiết bị máy móc để nâng cao công suất, giảm giá thành sản phẩm, chủ động trong tìm kiếm nguồn nguyên liệu gỗ và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

- Công tác thương mại, phân phối các sản phẩm lọc hóa dầu: Triển khai có hiệu quả các phương án kinh doanh sản phẩm hạt nhựa PP, LPG, lưu huỳnh hạt, hóa phẩm xúc tác, vật tư. Tập trung các khách hàng là người dùng cuối cùng và đa dạng các phương thức thanh toán theo nhu cầu khách hàng.

- Công tác kinh doanh các dịch vụ hậu cần: Tiếp tục duy trì các hợp đồng dịch vụ đã ký kết trong năm, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Mở rộng phát triển dịch vụ kỹ thuật từng bước tạo uy tín, cạnh tranh được với các đơn vị cùng lĩnh vực.

- Chủ động nguồn lực phát triển kinh doanh các sản phẩm mới, mục tiêu hướng đến các sản phẩm tự doanh ngoài BSR.

- Quản trị dòng tiền hiệu quả, cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mua sắm tài sản, chủ động thu xếp dòng tiền từ thương mại vật tư, hóa phẩm xúc tác, phụ gia.

- Chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro trong công tác quản lý hồ sơ chứng từ, hạch toán kế toán.

- Tối ưu hóa công tác mua sắm và chuỗi cung ứng thông qua việc đa dạng hóa nguồn cung, giảm chi phí đầu vào và chuẩn hóa quy trình mua sắm theo hướng số hóa, minh bạch và kiểm soát rủi ro.

- Đảm bảo công tác an toàn, an ninh, môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác quản lý đầu tư, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ và triển khai hiệu quả các dự án chiến lược như Nhà máy sản xuất hạt nhựa PP Compound, công nghệ tuần hoàn nước thải, dự án hóa rắn lưu huỳnh, đầu tư máy thổi PE 3 lớp,... và các phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất bảo đảm hoạt động ổn định và liên tục.

- Hoàn thiện áp dụng hệ thống đánh giá KPI nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ nhân sự, tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Triển khai ESG phù hợp và đồng bộ với chiến lược phát triển của BSR.

b) Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ so với Thực hiện 2025
I	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.060,45	142%
2	Tổng chi phí (chưa lương)	tỷ đồng	2.037,70	147%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	22,75	99%
4	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	14,40	110%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	18,15	91%
II	Chỉ tiêu lao động tiền lương			
1	Lao động bình quân	người	305	104%

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ so với Thực hiện 2025
2	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	triệu đồng/ng/tháng	18,54	94%
3	Tiền lương bình quân	triệu đồng/ng/tháng	11,41	95%
4	Quỹ lương Người lao động và Ban điều hành	triệu đồng	41.739	98%
III	Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị	tỷ đồng	3,80	8%

1.2 Phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025

Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Kế hoạch 2025 (đ/c)	Thực hiện 2025	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát làm việc chuyên trách	2.232,55	2.852,26	<i>Tăng quỹ tiền lương, thù lao do lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch</i>
2	Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách	493,51	690,91	

Chi tiết tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Stt	Bộ phận	Thực hiện năm 2025		Ghi chú
		Số người bình quân	Số tiền (đồng)	
I.	Hội đồng quản trị	5,00	1.904.082.467	
1	Chủ tịch (không chuyên trách)	1,00	190.408.247	
2	Thành viên	2,00	1.428.061.850	
3	Thành viên (không chuyên trách)	2,00	285.612.370	
II.	Ban kiểm soát	2,65	1.069.535.211	
1	Trưởng ban	1,00	666.428.864	
2	Thành viên	0,65	307.902.224	
3	Thành viên (không chuyên trách)	1,00	95.204.123	

1.3 Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

Lợi nhuận sau thuế	19.955.170.488
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)	6.707.185.697
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,0 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện của người quản lý)	491.762.039
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)	12.756.222.752
- Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn: 83,26%	10.620.998.752
- Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	400.400.000
- Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.734.824.000

* Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ: 7,28%.

1.5 Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2026:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của thành viên hội đồng, kiểm soát viên chuyên trách	4,88	3.001,02	
2	Quỹ thù lao của Người quản lý không chuyên trách	3,12	353,13	

1.6 Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2026

1.6.1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2,0 tháng tiền lương bình quân của người lao động;

1.6.2 Thưởng hoàn thành nhiệm vụ: 1,0 tháng tiền lương, thù lao bình quân của người quản lý

1.6.3 Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ: 8,7%

1.7 Thông qua Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty (có Tờ trình của Ban kiểm soát kèm theo);

1.8 Chấp thuận việc ký kết hợp đồng với người có liên quan (có Tờ trình kèm theo).

1.9 Thông qua kết quả kiện toàn bổ sung Hội đồng quản trị và bầu Ban kiểm soát:

1.10.1 Bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông **Phan Bá Công**

- Bà **Hà Thị Hoa**

- Ông **Lê Xuân Sơn**

1.10.2 Bầu 03 thành viên Ban Kiểm soát:

- Ông **Nguyễn Tấn Phát**

- Bà **Đỗ Thị Phương Thúy**

- Ông **Trịnh Bá Việt**

Nhiệm kỳ của các ông, bà là 60 tháng kể từ ngày 21/4/2026.

Điều 2. Nghị quyết này được thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với 17.063.234 phiếu tán thành, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; tương đương 97,38% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Các ông/bà Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng cấp phòng Công ty, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Như Điều 2;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Bùi Tá Vũ

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Trụ sở chính: Thôn Phước Hòa, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

Mã số doanh nghiệp: 4300429492.

Đại hội khai mạc vào lúc 8 giờ 30 ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại Hội trường Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (Km9+100 đường Võ Văn Kiệt, Khu Kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi).

Đoàn Chủ tịch Đại hội:

- Ông Bùi Tá Vũ - Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa Đại hội;
- Ông Phan Quốc Toàn - Thành viên HĐQT, Giám đốc;
- Ông Lê Xuân Sơn - Thành viên HĐQT;
- Bà Hà Thị Hoa - Thành viên HĐQT.

Thư ký Đại hội:

- Ông Lê Xuân Huy - Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty;
- Bà Hồ Thị Giáng Hương - Chuyên viên QTNL & PCRR

Thành phần tham dự:

Đại biểu mời:

- Ông Ngô Văn Hà - Trưởng Phòng Tài chính Đảng, đại diện Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi;
- Ông Bùi Ngọc Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty BSR;

Cổ đông và đại diện cổ đông tham dự:

Đại diện của 02 cổ đông pháp nhân (Tổng Công ty cổ phần Lọc - Hóa dầu Việt Nam, Khách sạn Cẩm Thành) và các cổ đông cá nhân của Công ty.

Ban Kiểm soát:

- Bà Đỗ Thị Phương Thúy - Trưởng Ban;
- Ông Phan Bá Công - Thành viên;

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Bà Đỗ Thị Phương Thúy - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội, cụ thể:

1.1 Ông Bùi Tá Vũ - Người đại diện phần vốn của BSR tại BSPPT với số cổ phiếu 6.132.800 chiếm 35% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.2 Ông Phan Quốc Toàn - Người đại diện phần vốn của BSR tại BSPPT với số cổ phiếu 5.256.600 chiếm 30% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.3 Ông Phan Bá Công - Người đại diện phần vốn của BSR tại BSPPT và là cổ đông với số cổ phiếu 1.752.228 chiếm 10% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.4 Ông Lê Xuân Sơn - Người đại diện phần vốn của BSR tại BSPPT với số cổ phiếu 1.447.656 chiếm 8,26% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.5 Bà Hà Thị Hoa - Cổ đông và là đại diện biểu quyết cổ đông cá nhân với số cổ phiếu 1.812.900 chiếm tỷ lệ 10,35% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.6 Ông Ngô Văn Hà, Người đại diện phần vốn của Khách sạn Cẩm Thành thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi với số cổ phiếu 550.000 chiếm tỷ lệ 3,14% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.7 Cổ đông cá nhân với số cổ phiếu 111.050 chiếm tỷ lệ 0,63% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Tỷ lệ cổ đông và đại diện cổ đông có mặt tại Đại hội đạt 97,38% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty - đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Ông Lê Xuân Sơn - Trình bày và lấy biểu quyết Quy chế Đại hội, Chương trình Đại hội (có Quy chế và Chương trình kèm theo)

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

3. Ông Phan Quốc Toàn - Trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026 (có Báo cáo đính kèm).

4. Ông Bùi Tá Vũ - Trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị (có Báo cáo đính kèm).

5. Bà Hà Thị Hoa - Trình bày:

- Tờ trình về việc xin phê duyệt tiền lương, thù lao cán bộ quản lý;

- Tờ trình xin phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế.

6. Ông Nguyễn Tấn Phát - Trình bày Báo cáo kiểm toán độc lập và trình bày Tờ trình xin phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (có Tờ trình và Báo cáo tài chính đính kèm).

7. Bà Đỗ Thị Phương Thúy - Trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025 và Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty (có Báo cáo và Tờ trình đính kèm).

8. Ông Lê Xuân Sơn - Trình bày:

- Tờ trình xin chấp thuận ký kết hợp đồng với người có liên quan.

9. Đại hội thảo luận và thông qua:

9.1. Báo cáo Kết quả SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu cơ bản:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành KH
I	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.350,20	1.452,20	108%
2	Tổng chi phí (chưa lương)	tỷ đồng	1.292,20	1.383,10	107%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	20,0	22,9	115%
4	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	12,7	13,1	103%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	17,1	20,0	117%
II	Chỉ tiêu lao động tiền lương				
1	Lao động bình quân	người	300	292	97%
2	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	triệu đồng/ng/tháng	16,12	19,71	122%
3	Tiền lương bình quân	triệu đồng/ng/tháng	9,811	11,990	122%
4	Quỹ lương Người lao động và Ban điều hành	triệu đồng	35.319	42.595	121%
III	Chỉ tiêu về đầu tư XD CB và mua sắm thiết bị	tỷ đồng	45,14	45,14	100%

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.2 Kế hoạch SXKD năm 2026:

a) Nhiệm vụ kế hoạch

Năm 2026, Công ty sẽ bám sát các định hướng phát triển theo chỉ đạo của BSR, đồng thời căn cứ tình hình thực tế của thị trường để tổ chức triển khai phù hợp. Song song với đó, Công ty chủ động nhận diện các rủi ro và thách thức nhằm xây dựng các kịch bản ứng phó hiệu quả, đồng thời tìm kiếm và phát huy các động lực tăng trưởng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua việc tận dụng cơ hội và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tạo nền tảng và bước nhảy chiến lược của Công ty.

- Công tác sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì: Tập trung nghiên cứu, cải tiến, đầu tư thiết bị máy móc để nâng cao chất lượng, giảm chi phí giá thành sản phẩm bao bì; tối ưu hóa quy trình sản xuất, mở rộng danh sách nhà cung cấp, nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm.

- Công tác sản xuất sản phẩm Pallet gỗ: Tập trung cải tiến, đầu tư thiết bị máy móc để nâng cao công suất, giảm giá thành sản phẩm, chủ động trong tìm kiếm nguồn nguyên liệu gỗ và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

- Công tác thương mại, phân phối các sản phẩm lọc hóa dầu: Triển khai có hiệu quả các phương án kinh doanh sản phẩm hạt nhựa PP, LPG, lưu huỳnh hạt, hóa phẩm xúc tác, vật tư. Tập trung các khách hàng là người dùng cuối cùng và đa dạng các phương thức thanh toán theo nhu cầu khách hàng.

- Công tác kinh doanh các dịch vụ hậu cần: Tiếp tục duy trì các hợp đồng dịch vụ đã ký kết trong năm, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Mở rộng phát triển dịch vụ kỹ thuật từng bước tạo uy tín, cạnh tranh được với các đơn vị cùng lĩnh vực.

- Chủ động nguồn lực phát triển kinh doanh các sản phẩm mới, mục tiêu hướng đến các sản phẩm tự doanh ngoài BSR.

- Quản trị dòng tiền hiệu quả, cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mua sắm tài sản, chủ động thu xếp dòng tiền từ thương mại vật tư, hóa phẩm xúc tác, phụ gia.

- Chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro trong công tác quản lý hồ sơ chứng từ, hạch toán kế toán.

- Tối ưu hóa công tác mua sắm và chuỗi cung ứng thông qua việc đa dạng hóa nguồn cung, giảm chi phí đầu vào và chuẩn hóa quy trình mua sắm theo hướng số hóa, minh bạch và kiểm soát rủi ro.

- Đảm bảo công tác an toàn, an ninh, môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác quản lý đầu tư, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ và triển khai hiệu quả các dự án chiến lược như Nhà máy sản xuất hạt nhựa PP Compound, công nghệ tuần hoàn nước thải, dự án hóa rắn lưu huỳnh, đầu tư máy thổi PE 3 lớp,... và các phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất bảo đảm hoạt động ổn định và liên tục.

- Hoàn thiện áp dụng hệ thống KPI nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ nhân sự, tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
 - Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo.
 - Triển khai ESG phù hợp và đồng bộ với chiến lược phát triển của BSR.
- b) Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ so với Thực hiện 2025
I	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.060,45	142%
2	Tổng chi phí (chưa lương)	tỷ đồng	2.037,70	147%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	22,75	99%
4	Nộp ngân sách nhà nước	tỷ đồng	14,40	110%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	18,15	91%
II	Chỉ tiêu lao động tiền lương			
1	Lao động bình quân	người	305	104%
2	Năng suất lao động bình quân theo tổng doanh thu trừ chi phí chưa lương	triệu đồng/ng/tháng	18,54	94%
3	Tiền lương bình quân	triệu đồng/ng/tháng	11,41	95%
4	Quỹ lương Người lao động và Ban điều hành	triệu đồng	41.739	98%
III	Chỉ tiêu về đầu tư XD CB và mua sắm thiết bị	tỷ đồng	3,80	8%

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.3 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (có Báo cáo đính kèm)

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.4 Phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2025:

Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Kế hoạch 2025 (Điều chỉnh)	Thực hiện 2025	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách	2.232,55	2.852,26	Tăng quỹ tiền lương, thù lao do lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch
2	Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát làm việc không chuyên trách	493,51	690,91	

Chi tiết tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

Stt	Bộ phận	Thực hiện năm 2025		Ghi chú
		Số người bình quân	Số tiền (đồng)	
I.	Hội đồng quản trị	5,00	1.904.082.467	
1	Chủ tịch (không chuyên trách)	1,00	190.408.247	
2	Thành viên	2,00	1.428.061.850	
3	Thành viên (không chuyên trách)	2,00	285.612.370	
II.	Ban Kiểm soát	2,65	1.069.535.211	
1	Trưởng ban	1,00	666.428.864	
2	Thành viên	0,65	307.902.224	
3	Thành viên (không chuyên trách)	1,00	95.204.123	

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.5 Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

Lợi nhuận sau thuế		19.955.170.488
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)		6.707.185.697
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ (1,0 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện của người quản lý)		491.762.039
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)		12.756.222.752
-	Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn: 83,26%	10.620.998.752
-	Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	400.400.000
-	Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.734.824.000

* Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 7,28%.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.6 Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2026:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của thành viên hội đồng, kiểm soát viên chuyên trách	4,88	3.001,02	
2	Quỹ thù lao của Người quản lý không chuyên trách	3,12	353,13	

Hội đồng quản trị quy định mức chi tiền lương và thù lao kiêm nhiệm cho từng chức danh cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định của Nhà nước và cấp thẩm quyền.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.7 Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2026

9.7.1 Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2,0 tháng tiền lương bình quân của người lao động;

9.7.2 Thưởng hoàn thành nhiệm vụ: 1,0 tháng tiền lương, thù lao bình quân của người quản lý

9.7.3 Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ: 8,7%

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.8 Thông qua Báo cáo Ban Kiểm soát (có Báo cáo đính kèm)

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.9 Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính bán niên/năm 2026 của Công ty (có Tờ trình đính kèm)

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

9.10 Chấp thuận việc ký kết hợp đồng với người có liên quan (có Tờ trình kèm theo).

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

10. Công tác kiện toàn Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

10.1 Ông Lê Xuân Huy – Trình bày Tờ trình của HĐQT về công tác nhân sự và tổng hợp và báo cáo danh sách nhân sự đề cử, giới thiệu để bầu tham gia HĐQT và BKS.

Danh sách ứng viên HĐQT:

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Phan Bá Công	
2	Hà Thị Hoa	
3	Lê Xuân Sơn	

Danh sách ứng viên BKS:

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Nguyễn Tấn Phát	
2	Đỗ Thị Phương Thúy	
3	Trịnh Bá Việt	

10.2 Đại hội tiến hành bầu cử.

10.2.1 Ban bầu cử:

Ông Huỳnh Trịnh Văn, Phó Giám đốc Công ty: Trưởng Ban

Các Thành viên:

Ông Nguyễn Quang Lý, Chủ tịch Công đoàn, Phó Trưởng phòng QTNL & PCRR

Bà Nguyễn Thị Thúy Vân, Phó Trưởng phòng TCKT

10.2.2 Kết quả các thành viên trúng cử HĐQT:

Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Số phiếu không bầu	Ghi chú
1	Phan Bá Công	17.059.034	4.200	99,86%
2	Hà Thị Hoa	17.039.934	23.300	99,86%
3	Lê Xuân Sơn	17.059.034	4.200	99,86%

10.2.3 Kết quả các thành viên trúng cử BKS:

Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Số phiếu không bầu	Ghi chú
1	Nguyễn Tấn Phát	17.059.034	4.200	99,86%
2	Đỗ Thị Phương Thúy	17.039.934	23.300	99,86%
3	Trịnh Bá Việt	17.059.034	4.200	99,86%

11. Thông qua Biên bản, Nghị quyết và bế mạc Đại hội.

11.1 Ông **Lê Xuân Huy** - Thư ký Đại hội trình bày toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn, với các nội dung quyết nghị đã được ghi nhận tại Mục 9 và Mục 10 của Biên bản này.

11.2 Ông **Bùi Tá Vũ** - Thay mặt Đoàn Chủ tịch điều hành phần biểu quyết và Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;

- Số phiếu tham dự và tham gia biểu quyết nội dung này: 17.063.234 phiếu, tương đương 97,38% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết tán thành: 17.063.234 phiếu, đạt tỷ lệ 100% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, có tỷ lệ 0% phiếu tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

12. Ông **Bùi Tá Vũ** - Phát biểu bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày

Biên bản Đại hội có 10 (mười) trang được lập thành 02 (hai) bản; lưu tại Văn phòng Công ty (Văn thư và Thư ký Công ty); Biên bản được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (<https://bsppt.com.vn>) và công bố thông tin theo quy định.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Lê Xuân Huy

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Tá Vũ

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025,
KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-BSPPT ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-BSPPT ngày 31/12/2025 Về việc chấp thuận điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn, Ban điều hành Công ty đã bám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị, theo sát diễn biến thị trường, thực hiện hiệu quả các giải pháp quản trị, chuyển đổi số, mở rộng hoạt động thương mại, dịch vụ, tối ưu tổ chức sản xuất cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ người lao động, Công ty đạt kết quả tốt về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Giám đốc kính báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 như sau:

**PHẦN I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Thuận lợi, khó khăn

Trong năm 2025, Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn đánh giá, nhận định với những thuận lợi và khó khăn như sau:

1.1. Thuận lợi

- Điều kiện vĩ mô quốc tế: Năm 2025, các tổ chức quốc tế cho rằng các chính sách kinh tế vĩ mô hỗ trợ tăng trưởng, điều kiện tài chính được cải thiện nhờ lạc quan về tác động tiềm năng của các công nghệ mới, đầu tư và thương mại ngày càng tăng là những động lực chính cho tăng trưởng toàn cầu năm 2025. Theo đó, OECD, IMF, EU và FR dự báo tăng trưởng của thế giới năm 2025 lần lượt đạt 3,2%, 3,2%, 3,1% và 2,5% đều cao hơn dự báo trước đó. (Nguồn: Tổng Cục Thống kê).

- Năm 2025 là năm cuối của chu kỳ phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025, là cột mốc quan trọng, là năm bản lề đặt nền tảng cho chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo. Trong bối cảnh chịu tác động chung của tình hình địa-chính trị, kinh tế thế giới, khu vực và diễn biến thiên tai, khí hậu bất thường, hoạt động kinh tế đất nước tiếp tục đối diện nhiều khó khăn, áp lực, thử thách. Song, theo định hướng và tinh thần chỉ đạo, quyết tâm của Đảng, Chính phủ, với nỗ lực không ngừng của nhân dân và doanh nghiệp cả nước, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng phát triển. GDP năm 2025 tăng trưởng tích cực với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước (Nguồn: Cục trưởng Cục Thống kê (Bộ Tài chính) Nguyễn Thị Hương).

- Nhà nước luôn sát cánh cùng doanh nghiệp, tiếp tục có nhiều quyết sách hỗ trợ doanh nghiệp như: giảm tiền thuê đất, giãn, giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ.

- Đối với BSPPT, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và kịp thời của BSR, đồng thời nhận được sự hỗ trợ tích cực, hiệu quả từ các Sở/Ban/ Ngành và cơ quan chức năng của tỉnh Quảng Ngãi.

- Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ công tác quản trị và điều hành hiệu quả, linh hoạt trong thời gian qua, đã tạo niềm tin và động lực mạnh mẽ cho toàn thể cán bộ, người lao động BSPPT trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 và các năm tiếp theo.

- Đội ngũ CBCNV của BSPPT ngày càng được đào tạo bài bản hơn, có kinh nghiệm thực tế trong các hoạt động cốt lõi: Thương mại, cung ứng dịch vụ, quản lý và vận hành Nhà máy sản xuất bao bì ổn định, an toàn, hiệu quả.

1.2. Khó khăn

- Nền kinh tế thế giới năm 2025 tuy có hồi phục nhưng ở mức tăng trưởng thấp và dễ tổn thương bởi các tác động bên ngoài. Chính sách thuế quan của Mỹ, những diễn biến phức tạp về địa chính trị, sự thay đổi chính sách kinh tế tại các nền kinh tế lớn, và rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng tiếp tục làm suy yếu động lực phục hồi thương mại và đầu tư quốc tế, qua đó, tác động tiêu cực lan tỏa đến nhu cầu năng lượng, các sản phẩm hóa dầu và dịch vụ vận chuyển...

- Rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và thiên tai cực đoan tiếp tục gia tăng, các hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra với tần suất cao hơn (2025: Bão Kajiki, Ragasa, Bualoi, Matmo... và các trận lũ lụt ở Miền Bắc, Miền Trung) mức độ khó dự báo lớn hơn, làm gia tăng rủi ro gián đoạn logistics, rủi ro vận hành nhà máy, hư hỏng tài sản.

- Đối với BSPPT, thị trường xuất khẩu tinh bột sắn chính của các doanh nghiệp Việt Nam là Trung Quốc vẫn còn nhiều khó khăn, nhu cầu ít, giá bán thấp, dẫn đến nghỉ vụ sớm, vào vụ trễ, nhu cầu bao nông sản giảm.

- Nhà máy sản xuất bao bì đã vận hành trên 15 năm, tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo an toàn nếu không được duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, dẫn tới chi phí ngày càng tăng.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2025:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025(*)	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	817,30	1.350,00	1.452,17	108%	178%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	796,90	1.330,00	1.429,24	107%	179%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,40	20,00	22,91	115%	112%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 ^(*)	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,16	17,10	19,96	117%	110%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,60	12,70	13,11	103%	138%
6	Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	9,4%	8,8%	10,4%	119%	111%

() Kế hoạch 2025 là Kế hoạch điều chỉnh năm 2025 đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn chấp thuận tại Nghị quyết 5491/NQ-BSR ngày 31/12/2025.*

Năm 2025, Công ty hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu tài chính quan trọng. Tổng doanh thu đạt 1.452,17 tỷ đồng, vượt 8% kế hoạch năm và tăng 78% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 22,91 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch năm, tăng 12% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 19,96 tỷ đồng, vượt 17% kế hoạch năm, và tăng 10% so với năm 2024. Nộp ngân sách nhà nước đạt 13,11 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch năm và tăng 38% so với năm 2024.

3. Kết quả thực hiện từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh

3.1. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì

Kết quả sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bao bì thực hiện năm 2025:

TT	Sản phẩm	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 ^(*)	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
I	Sản lượng sản xuất						
1	Bao nông sản	Tr. bao	2,76	1,81	2,02	112%	73%
2	Mành PP tráng màng	Tr. mét	10,00	0,00	0,12		
3	Bao đóng gói hạt nhựa	Tr. bao	6,54	6,76	7,20	107%	110%
II	Sản lượng tiêu thụ						
1	Bao nông sản	Tr. bao	2,78	1,81	2,03	112%	73%
2	Mành PP tráng màng	Tr. mét	10,00	0,00	0,12	-	-
3	Bao đóng gói hạt nhựa	Tr. bao	5,70	7,00	7,20	103%	126%

Kết quả doanh thu lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì thực hiện năm 2025:

TT	Sản phẩm	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 ^(*)	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
Doanh thu		Tỷ đồng	84,50	87,56	91,31	104%	108%
1	Bao nông sản	Tỷ đồng	19,00	12,28	13,76	112%	72%
2	Mành PP tráng màng	Tỷ đồng	6,20	0,00	0,08	-	-
3	Bao đóng gói hạt nhựa	Tỷ đồng	59,30	75,28	77,47	103%	131%

a) Về sản lượng tiêu thụ

– Đối với bao nông sản: Sản lượng tiêu thụ đạt 2,03 triệu bao, hoàn thành 112% kế hoạch năm 2025, bằng 73% so với năm 2024.

– Đối với bao đóng gói hạt nhựa: Cung cấp cho NMLD Dung Quất được duy trì sản lượng theo hợp đồng, sản lượng tiêu thụ đạt 7,20 triệu bao, đạt 103% kế hoạch năm 2025 và tăng 26% so với năm 2024.

b) Về doanh thu

– Doanh thu lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì đạt 91,31 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm 2025 và bằng 108% so với năm 2024, trong đó:

– Doanh thu bao nông sản đạt 13,76 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch năm 2025; bằng 72% so với năm 2024;

– Doanh thu bao đóng gói hạt nhựa đạt 77,47 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch năm 2025; bằng 131% so với năm 2024.

3.2. Lĩnh vực kinh doanh thương mại

Kết quả sản lượng tiêu thụ sản phẩm thương mại thực hiện năm 2025:

Stt	Sản phẩm thương mại	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 ^(*)	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
Sản lượng tiêu thụ							
1	Hạt nhựa PP	Tấn	24.941	37.796	40.713	108%	163%
2	Pallet gỗ	Cái	108.000	127.000	129.000	102%	119%
3	LPG	Tấn	-	13.553	15.612	115%	-
4	Lưu huỳnh hạt	Tấn	-	800	914	114%	-

Kết quả doanh thu lĩnh vực thương mại thực hiện năm 2025:

Stt	Sản phẩm thương mại	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025(*)	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
Doanh thu		Tỷ đồng	641,40	1.149,76	1.241,29	108%	194%
1	Hạt nhựa PP	Tỷ đồng	604,80	882,67	945,12	107%	156%
2	Pallet gỗ	Tỷ đồng	36,60	39,92	39,92	100%	109%
3	LPG	Tỷ đồng	-	220,90	247,89	112%	-
4	Lưu huỳnh hạt	Tỷ đồng	-	6,27	8,36	133%	-

a) Về sản lượng tiêu thụ

- Sản lượng tiêu thụ hạt nhựa PP đạt 40.713 tấn, đạt 108% kế hoạch 2025 và bằng 163% so với năm 2024.
- Sản lượng tiêu thụ pallet gỗ đạt 129.000 cái, đạt 102% kế hoạch 2025 và bằng 119% so với năm 2024.
- Sản lượng tiêu thụ LPG đạt 15.612 tấn, đạt 115% kế hoạch 2025.
- Sản lượng tiêu thụ lưu huỳnh hạt đạt 914 tấn, đạt 114% kế hoạch 2025.

b) Về doanh thu

Doanh thu lĩnh vực thương mại năm 2025 đạt 1.241,29 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch năm 2025, bằng 194% so với năm 2024, trong đó:

- Doanh thu hạt nhựa PP đạt 945,12 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch năm 2025 và bằng 156% so với năm 2024;
- Doanh thu pallet gỗ đạt 39,92 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm 2025 và bằng 109% so với năm 2024.
- Doanh thu LPG đạt 247,89 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch năm 2025.
- Doanh thu lưu huỳnh hạt đạt 8,36 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm 2025.

3.3. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ

Kết quả doanh thu lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thực hiện năm 2025:

Stt	Doanh thu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025(*)	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	23,9	25,2	25,6	101%	107%
2	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	34,6	33,5	34,2	102%	99%
3	Dịch vụ hậu cần khác (Giặt là; Nhà hàng; cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng, chăm sóc cây xanh,...)	Tỷ đồng	28,7	19,2	20,0	104%	70%

Stt	Doanh thu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025(*)	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH 2025	Tỷ lệ % TH2025/TH2024
4	Dịch vụ mới (Dịch vụ kỹ thuật, xây lắp, O&M, Forwarding...)	Tỷ đồng	-	27,7	32,1	116%	-
Tổng cộng		Tỷ đồng	87,2	105,6	111,9	106%	128%

Năm 2025, doanh thu lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đạt 111,9 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch năm 2025 và bằng 128% so với năm 2024, trong đó:

- Doanh thu dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà đạt 25,6 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm 2025 và bằng 107% so với năm 2024;
- Doanh thu dịch vụ vận chuyển đạt 34,2 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch 2025 và bằng 99% so với năm 2024;
- Doanh thu các dịch vụ hậu cần khác đạt 20,0 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm 2025.

Trong năm 2025, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các dịch vụ mới (O&M, tổ chức các sự kiện, triển khai dịch vụ forwarding...) thực hiện đạt 32,1 tỷ đồng doanh thu, đạt 116% so với kế hoạch 2025.

4. Công tác đầu tư mua sắm tài sản

Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành đầu tư mua sắm tổng cộng 19 xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận chuyển. Việc đầu tư phương tiện theo hướng đồng bộ và hiện đại đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường, đồng thời từng bước khẳng định và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty.

5. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty, Ban điều hành Công ty đã ban hành Chỉ thị số 76/CT-BSPPT ngày 22 tháng 6 năm 2025 về việc thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 và triển khai Chỉ thị đến từng bộ phận sản xuất kinh doanh, phòng ban Công ty để nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn bộ người lao động. Công ty triển khai có hiệu quả trong việc sử dụng vốn; tiết giảm hợp lý chi phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, nguyên liệu phục vụ sản xuất.

Trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn khó khăn, nhờ thực hiện hiệu quả công tác tiết giảm chi phí, cùng với nỗ lực phát triển thị trường, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông, ổn định việc làm và cải thiện đáng kể thu nhập cho người lao động.

6. Công tác nhân sự, đào tạo

6.1. Tình hình nhân sự, tiền lương

Tình hình sử dụng lao động của Công ty; quỹ tiền lương thực hiện của Người lao động và Ban điều hành; quỹ tiền lương, thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 được trình bày như bảng dưới đây:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025(*)	Thực hiện 2025	% TH2025/ KH2025	% TH2025/ TH 2024
1	Năng suất lao động bình quân	Triệu đồng/người/tháng	15,78	16,12	19,71	122%	125%
2	Số lao động bình quân (Người lao động và Ban điều hành)	Người	300	300	292	97%	97%
3	Tiền lương bình quân (Người lao động và Ban điều hành)	Triệu đồng/người/tháng	9,64	9,81	11,99	122%	124%
4	Quỹ tiền lương Người lao động và Ban điều hành	Tỷ đồng	34,716	35,319	42,596	121%	123%
5	Quỹ tiền lương Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	Tỷ đồng	1,486	2,233	2,852	128%	192%
6	Quỹ thù lao Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách	Triệu đồng	185,0	493,5	690,9	140%	373%

– Năm 2025, năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương) đạt 19,71 triệu đồng/người/tháng, vượt 22% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 125% so với năm 2024.

– Số lao động bình quân trong năm là 292 người. Tiền lương bình quân năm 2025 của Người lao động và Ban điều hành đạt 11,99 triệu đồng/người/tháng, đạt 122% so với kế hoạch 2025 và bằng 124% so với năm 2024.

– Số lượng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách bình quân là 3,65 người; quỹ tiền lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách thực hiện đạt 128% kế hoạch năm 2025.

– Số lượng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách bình quân thực hiện là 04 người; quỹ thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách thực hiện đạt 140% kế hoạch năm 2025.

6.2. Công tác đào tạo, xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Trong năm 2025, Ban Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và chú trọng đến công tác đào tạo. Công ty đã cử 765 lượt cán bộ, công nhân viên tham gia các chương trình đào tạo với tổng kinh phí 1,3 tỷ đồng. Nội dung đào tạo tập trung vào các lĩnh vực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, các khóa đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ, Ngành; đồng thời đẩy mạnh đào tạo trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Những khóa đào tạo này góp phần nâng tầm đội ngũ, tạo ra lớp nhân sự vững vàng, tự tin tiếp cận công nghệ mới và thích ứng với yêu cầu của thị trường.

Bên cạnh việc tổ chức đào tạo cho CBCNV, Công ty cũng đã tích cực trong công tác tuyên truyền và lồng ghép các giá trị văn hóa vào quy trình làm việc hằng ngày, sản phẩm và dịch vụ để văn hóa trở nên hữu hình và thực tế.

7. Công tác khác

7.1. Công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

Trong năm 2025, Công ty đã đẩy mạnh triển khai các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý, vận hành và dịch vụ khách hàng trên toàn bộ đội ngũ CBCNV.

Công ty tổ chức Hội nghị Khoa học – Công nghệ – Đổi mới sáng tạo & Chuyên đổi số lần thứ I năm 2025 với chủ đề “Đổi mới để bứt phá – Số hóa để thành công”, qua đó định hướng chiến lược phát triển, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo, đồng thời đề ra các giải pháp đổi mới, sáng tạo gắn với từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trong năm 2025, CBCNV Công ty đã đăng ký 57 ý tưởng/giải pháp. Trong đó, 29 ý tưởng đã được tổ chức đánh giá, kết quả có 22 ý tưởng được đánh giá khả thi và đang triển khai thực hiện, giá trị làm lợi ước tính khoảng 7 tỷ đồng.

7.2. Công tác chuyển đổi số

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai mạnh mẽ công tác chuyển đổi số với nhiều hạng mục như:

- Hệ thống Quản lý Văn bản đã được đưa vào vận hành và nâng cấp, góp phần rút ngắn thời gian phê duyệt, tăng tính minh bạch và giảm đáng kể thời gian xử lý.
- Hệ thống Fast Business Online hỗ trợ theo dõi doanh thu – chi phí – lợi nhuận theo thời gian thực, giúp dữ liệu được phản ánh kịp thời và chính xác.
- Các quy trình nghiệp vụ như quản lý nhân sự, đánh giá KPI, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đang được đẩy mạnh triển khai theo đúng lộ trình chuyển đổi số của Công ty.

Công tác số hóa tài liệu đã hoàn thành theo kế hoạch, hình thành kho dữ liệu điện tử tập trung phục vụ tra cứu và quản lý. Bên cạnh đó, hạ tầng CNTT tiếp tục được đầu tư và nâng cấp, tạo nền tảng cho việc vận hành, mở rộng và tích hợp các hệ thống số trong thời gian tới.

7.3. Công tác an ninh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường

Năm 2025, công tác ATSKMT của BSPPT được triển khai chủ động, đồng bộ và hiệu quả, không xảy ra sự cố mất an ninh, cháy nổ, môi trường hay tai nạn lao động mất ngày công. Trong năm, Công ty đã đạt hơn 800.000 giờ công an toàn.

Hệ thống quản lý ATSKMT được xây dựng, duy trì và cải tiến liên tục theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 và ISO 14001:2015, với việc cập nhật, bổ sung nhiều quy trình, hướng dẫn và tiêu chuẩn liên quan. Công tác đào tạo, huấn luyện ATSKMT cho CBCNV được thực hiện đầy đủ theo quy định, bao gồm an toàn hóa chất và tham gia diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

Công tác an ninh – an toàn lao động được đảm bảo thông qua kiểm soát chặt chẽ người và phương tiện ra/vào Công ty, tăng cường tuần tra trong các dịp cao điểm; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tổ chức giám sát an toàn nhiều tầng và triển khai văn hóa an toàn lao động trong toàn Công ty.

Công tác bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật; các nguồn thải được xử lý đạt quy chuẩn, chất thải được thu gom, xử lý đúng quy định và giám sát định kỳ. Công tác phòng cháy chữa cháy và ứng cứu khẩn cấp

được duy trì thường xuyên, 100% thiết bị, hệ thống PCCC được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

7.4. Công tác đoàn thể, an sinh xã hội

Trong năm 2025, BSPPT phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống CBCNV, nhất là các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng do thiên tai, lũ lụt; động viên, khen thưởng con CBCNV đạt thành tích cao trong học tập nhằm khích lệ tinh thần và thể hiện sự quan tâm của các cấp Lãnh đạo Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty đã phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện chương trình quyên góp, ủng hộ đồng bào Thái Nguyên và các tỉnh miền Trung bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt; đồng thời triển khai các hoạt động an sinh xã hội tại các xã vùng cao, còn nhiều khó khăn.

Công ty luôn ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể phát triển các phong trào:

- Thực hiện *Vườn cây Thanh niên* chào mừng kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Trao quà cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đạt thành tích cao trong năm học 2024–2025 tại Trường THCS Nguyễn Kim Vang.
- Tham gia Tuần lễ “*Hiến máu nhân đạo*” tại Khoa Huyết học, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi (hơn 25 đơn vị máu được hiến tặng).
- Tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao góp phần nâng cao sức khỏe thể chất và đời sống tinh thần, tạo sân chơi lành mạnh cho NLĐ Công ty.
- Tổ chức dâng hương tại Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vạn Tường; thăm hỏi các gia đình Mẹ Việt Nam anh hùng và gia đình thương binh, liệt sĩ là người lao động trong Công ty nhân Ngày 27/7.
- Tổ chức chương trình Tết Trung thu cho con em người lao động trong Công ty, qua đó thể hiện sự quan tâm của Chi ủy, Ban Lãnh đạo, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty đối với các cháu trong độ tuổi thiếu nhi.

II. TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 của Công ty, công tác tái cơ cấu doanh nghiệp trong năm 2025 đã triển khai thực hiện, cụ thể:

1. Cơ cấu ngành nghề, thị trường sản phẩm và dịch vụ

Công ty xác định hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì 03 lĩnh vực chính, đó là:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì: Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì để đáp ứng tốt nhất yêu cầu về chất lượng, giá thành của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty đã mạnh dạn đưa vào sản xuất sản phẩm Pallet gỗ, góp phần ổn định nguồn hàng cung cấp cho Công ty BSR, nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả cho Công ty.
- Lĩnh vực thương mại: Nghiên cứu thị trường bán lẻ và mở rộng thành công thêm 02 sản phẩm thương mại mới bên cạnh 2 sản phẩm truyền thống (hạt nhựa PP và Pallet gỗ): LPG và Lưu huỳnh hạt. Dự kiến trong những năm tới tiếp tục nghiên cứu mở rộng

danh mục sản phẩm mới (hóa chất, vật tư, nguyên liệu,...) để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng của Công ty.

– Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ: Tập trung xây dựng đội ngũ nhân viên theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp nhằm đem lại sự hài lòng cho các khách hàng sử dụng các dịch vụ truyền thống của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng thêm mảng dịch vụ mới: O&M, forwarding, xây lắp... Dự kiến trong những năm tới tiếp tục nghiên cứu mở rộng danh mục dịch vụ mới (dịch vụ kỹ thuật...) để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng của Công ty.

2. Tái cấu trúc tổ chức, nguồn nhân lực

Công ty tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế, quy định (Cơ cấu tổ chức Công ty, xây dựng định biên lao động theo từng lĩnh vực hoạt động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số...) để từng bước thiết lập cơ cấu tổ chức tinh gọn, bao gồm đầy đủ tính tuân thủ, kỷ luật, văn hóa doanh nghiệp với lực lượng lao động đạt chuẩn, có năng suất lao động đáp ứng yêu cầu của Công ty.

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như dự kiến những hoạt động phát sinh trong năm 2026, Công ty xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026, cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Năm 2026, Công ty sẽ bám sát các định hướng phát triển theo chỉ đạo của BSR, đồng thời căn cứ tình hình thực tế của thị trường để tổ chức triển khai phù hợp. Song song với đó, Công ty chủ động nhận diện các rủi ro và thách thức nhằm xây dựng các kịch bản ứng phó hiệu quả, đồng thời tìm kiếm và phát huy các động lực tăng trưởng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua việc tận dụng cơ hội và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tạo nền tảng và bước nhảy chiến lược của Công ty.

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì: Tập trung nghiên cứu, cải tiến, đầu tư thiết bị máy móc để nâng cao chất lượng, giảm chi phí giá thành sản phẩm bao bì; tối ưu hóa quy trình sản xuất, mở rộng danh sách nhà cung cấp, nghiên cứu sản xuất các loại sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm.

- Lĩnh vực thương mại, phân phối các sản phẩm lọc hóa dầu: Triển khai có hiệu quả các phương án kinh doanh sản phẩm hạt nhựa PP, LPG, lưu huỳnh hạt, tập trung các khách hàng là người dùng cuối cùng và đa dạng các phương thức thanh toán theo nhu cầu khách hàng. Bên cạnh đó tìm kiếm các nguồn hóa phẩm xúc tác, phụ gia, vật tư để tham gia cung cấp cho BSR.

- Chủ động nguồn lực phát triển kinh doanh các sản phẩm mới, mục tiêu hướng đến các sản phẩm tự doanh ngoài BSR.

- Lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ hậu cần: Tiếp tục duy trì các hợp đồng dịch vụ đã ký kết trong năm, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Mở rộng phát triển dịch vụ kỹ thuật từng bước tạo uy tín, cạnh tranh được với các đơn vị cùng lĩnh vực.

- Quản trị dòng tiền hiệu quả, cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mua sắm tài sản, chủ động thu xếp dòng tiền từ thương mại vật tư, hóa phẩm xúc tác, phụ gia.

- Chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro trong công tác quản lý hồ sơ chứng từ, hạch toán kế toán.

- Tối ưu hóa công tác mua sắm và chuỗi cung ứng thông qua việc đa dạng hóa nguồn cung, giảm chi phí đầu vào và chuẩn hóa quy trình mua sắm theo hướng số hóa, minh bạch và kiểm soát rủi ro.

- Đảm bảo công tác an toàn, an ninh, môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác quản lý đầu tư, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ và triển khai hiệu quả các dự án đầu tư như Nhà máy sản xuất hạt nhựa PP Compound, công nghệ tuần hoàn nước thải, dự án hóa rắn lưu huỳnh, đầu tư máy thổi PE 3 lớp,... và các phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất bảo đảm hoạt động ổn định và liên tục.

- Hoàn thiện chuyển đổi số hệ thống đánh giá KPI nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ nhân sự, tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.
- Triển khai ESG phù hợp và đồng bộ với chiến lược phát triển của BSR.

II. TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Chỉ tiêu tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH 2025
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	191,36	194,43	101,6%
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>175,22</i>	<i>175,22</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Tỷ lệ tham gia của BSR</i>	<i>%</i>	<i>83,26%</i>	<i>83,26%</i>	<i>100,0%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.452,17	2.060,45	142%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,91	22,75	99,3%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,96	18,15	91,0%
5	Tỷ suất LNST/tổng tài sản (ROA)	%	4,45%	3,95%	88,9%
6	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,43%	9,34%	89,5%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	11,39%	10,36%	91,0%
8	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	1,47	1,51	102,6%
9	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	7,28%	8,7%	119,5%
10	Cổ tức/lợi nhuận nộp BSR	Tỷ đồng	10,62	12,7	119,6%
11	Nộp NSNN	Tỷ đồng	13,11	14,40	109,8%

2. Chỉ tiêu sản lượng

Stt	Chỉ tiêu sản lượng	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
I	Sản lượng sản xuất				
1	Bao nông sản	Triệu bao	2,02	1,81	89,6%
2	Bao đóng gói hạt nhựa	Triệu bao	6,82	6,60	96,8%
3	Pallet gỗ	Cái	31.033	48.000	154,7%

Stt	Chỉ tiêu sản lượng	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
II	Sản lượng tiêu thụ				
1	Bao nông sản	Triệu bao	2,03	1,81	89,4%
2	Bao đóng gói hạt nhựa	Triệu bao	7,20	6,60	91,7%
3	Hạt nhựa PP	Tấn	40.713	58.800	144,4%
4	Pallet gỗ	Cái	129.000	127.200	98,6%
5	LPG	Tấn	15.612	24.600	157,6%
6	Lưu huỳnh hạt	Tấn	914	2.700	295,4%

3. Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ

Stt	Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
1	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	25,60	25,41	99,4%
2	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	34,20	38,00	111,0%
3	Dịch vụ hậu cần khác	Tỷ đồng	20,00	19,22	96,1%
4	Dịch vụ mới (DV kỹ thuật, xây lắp, OM, Forwarding....)	Tỷ đồng	32,10	29,28	91,21%
Tổng cộng		Tỷ đồng	111,90	112,19	100,3%

4. Chỉ tiêu lao động, tiền lương

Stt	Chỉ tiêu lao động, tiền lương	Đvt	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
1	Số lao động bình quân	Người	292	305	104,44%
2	Tiền lương bình quân (Người lao động và Ban điều hành)	Tr.đồng/ người/tháng	11,99	11,41	95,13%
3	Năng suất lao động bình quân tính theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Tr.đồng/ người/tháng	19,71	18,54	94,08%
4	Quỹ tiền lương Người lao động và Ban điều hành	Tr.đồng	42.596	41.739	97,99%
5	Quỹ tiền lương Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	Tr.đồng	2.852	3.001	105,22%
6	Thù lao Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách	Tr.đồng	691	353	51,11%

5. Chỉ tiêu về đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2026	Ghi chú
1	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	3,8	
+	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	0	
+	Mua sắm TTB & TSCĐ:	Tỷ đồng	3,8	
	- 01 xe ô tô phục vụ SXKD	Tỷ đồng	2	
	- 01 xe đầu kéo phục vụ giao nhận hàng	Tỷ đồng	1,8	
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	3,8	
+	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3,8	
+	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0	
2	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	3,8	
+	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3,8	
+	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0	

Ghi chú: Chi tiết Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty BSPPT theo các Phụ lục I, II, III đính kèm.

III. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Công tác quản lý điều hành, quản trị rủi ro

- Công ty tiếp tục tập trung cải tiến và xây dựng hệ thống quản trị nội bộ, từng bước hoàn thiện mô hình quản trị đồng bộ, thống nhất và hiệu quả hơn. Các quy chế quản trị, quy định nội bộ được rà soát, sửa đổi, cập nhật kịp thời, đảm bảo phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty. Qua đó, chất lượng quản trị điều hành được nâng cao rõ rệt, tạo nền tảng quan trọng cho tiến trình tái cấu trúc và chuyển đổi số của Công ty.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro thông qua việc nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro trọng yếu trong quá trình quản lý điều hành; lồng ghép quản trị rủi ro với hệ thống quản trị nội bộ và kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn và bền vững.

- Thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, xu hướng giá dầu thô, giá sản phẩm hóa dầu và diễn biến cung – cầu trên thị trường trong nước và quốc tế để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh.

- Thiết lập cơ chế theo dõi biến động giá và biên lợi nhuận theo từng nhóm sản phẩm, từng hợp đồng kinh doanh nhằm kiểm soát hiệu quả hoạt động thương mại.

- Tăng cường phối hợp với BSR trong việc trao đổi thông tin thị trường, dự báo xu hướng giá và điều chỉnh phương án kinh doanh phù hợp.

- Đa dạng hóa nhóm khách hàng và thị trường tiêu thụ nhằm giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số ít khách hàng hoặc khu vực thị trường.

2. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bao bì

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng số 184-2025/HĐĐG/BSR-BSPPT ngày 18/02/2025 giữa BSR và BSPPT về việc cung cấp sản phẩm bao đóng gói hạt nhựa đến tháng 2/2028.
- Vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, ổn định, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, quyết liệt trong việc đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị, nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của khách hàng, trở thành nhà sản xuất bao bì có uy tín trên thị trường khu vực đối với các dòng sản phẩm hiện có.
- Tích cực nghiên cứu các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.
- Liên tục khảo sát thị trường đầu vào: Nhằm đảm bảo mua nguyên liệu đầu vào với giá và thời điểm có hiệu quả nhất phục vụ công tác sản xuất, mặt khác tìm kiếm được những đối tác/khách hàng mới để mở rộng thị trường, thị phần và năng lực sản xuất bên cạnh việc tăng cường công tác chăm sóc khách hàng để giữ chân khách hàng truyền thống.
- Tiếp tục phát triển thị trường tại Miền Trung-Tây Nguyên và mở rộng mạng lưới khách hàng.
- Rà soát, cập nhật các bộ định mức, tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm sản phẩm lỗi.
- Chủ động theo dõi diễn biến giá các loại nguyên liệu chính phục vụ sản xuất bao bì và vật tư phụ trợ, từ đó xây dựng kế hoạch mua hàng phù hợp theo từng thời điểm thị trường.
- Tối ưu hóa công tác quản trị tồn kho, cân đối hợp lý giữa tồn kho nguyên liệu và nhu cầu sản xuất nhằm giảm thiểu rủi ro biến động giá và chi phí lưu kho.

3. Kinh doanh thương mại

- Thực hiện tốt phương án kinh doanh hạt nhựa PP, LPG, Lưu huỳnh hạt, hướng tới người sử dụng cuối cùng (Nhà máy sản xuất).
- Nghiên cứu kinh doanh các sản phẩm khác của BSR như chủng loại hạt nhựa PP mới, ...
- Chủ động các cơ hội tham gia cung cấp nguyên liệu cấu tử trung gian, hóa phẩm, xúc tác, phụ gia cho BSR và các Nhà máy lọc hóa dầu, đa dạng nguồn doanh thu cho Công ty.
- Chú trọng mở rộng nhóm khách hàng lẻ tại các khu vực có nhu cầu vận tải vật tư công nghiệp, hóa chất trong lĩnh vực dầu khí và công nghiệp hóa chất; đồng thời tận dụng năng lực logistics sẵn có để phát triển các dịch vụ vận tải chuyên biệt, qua đó đa dạng nguồn khách hàng và thúc đẩy tăng trưởng doanh thu ngoài các hợp đồng đang thực hiện.
- Thực hiện các giải pháp quản trị chuỗi cung ứng nhằm tối ưu chi phí vận tải, thuê kho,... nâng cao hiệu quả kinh doanh thương mại.

- Thực hiện đào tạo đội ngũ marketing, bán hàng chuyên nghiệp, năng động, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới khách hàng.

4. Kinh doanh dịch vụ

4.1. Dịch vụ logistics

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các Hợp đồng dịch vụ vận chuyển đã ký với BSR.
- Tập trung phát triển khách hàng tại các khu vực có nhu cầu vận tải vật tư công nghiệp, hóa chất (liên quan đến ngành dầu khí, hóa chất) và tận dụng năng lực sẵn có để cung cấp dịch vụ vận tải chuyên biệt, ổn định doanh thu ngoài các hợp đồng dài hạn.
- Chủ động tiếp cận Ban quản lý dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất và các nhà thầu EPC để tham gia các gói thầu vận chuyển, tập trung vào nhu cầu sử dụng phương tiện chuyên dụng trong giai đoạn chuẩn bị thi công.
- Tăng cường năng lực vận tải, cung cấp dịch vụ logistics cho BSR; cung cấp dịch vụ forwarding cho các Dự án công nghiệp.
- Bổ sung nhân sự có năng lực, kinh nghiệm, am hiểu sâu về vận tải chuyên biệt, chuỗi cung ứng dự án EPC.

4.2. Dịch vụ quản lý và cho thuê nhà

- Tiếp tục thực hiện Hợp đồng quản lý nhà giai đoạn 2025 – 2027, đảm bảo doanh thu của hoạt động này ổn định liên tục.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ cho thuê nhà, tăng cường tính chuyên nghiệp và kiểm soát chặt chẽ các chi phí vận hành.
- Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất nhà ở, triển khai kế hoạch sửa chữa, cải tạo đồng bộ theo mẫu căn nhà chuẩn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú và tăng khả năng cạnh tranh.
- Khai thác nhu cầu lưu trú từ các nhà thầu, chủ động tiếp cận và chào giá đến các nhà thầu trong và nước ngoài khi triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất, Dự án mở rộng Nhà máy Thép Hòa Phát.

4.3. Dịch vụ O&M, dịch vụ kỹ thuật

- Đẩy mạnh công tác Marketing dịch vụ O&M đến các dự án lọc hóa dầu và các khu công nghiệp lớn trên toàn quốc.
- Tập trung tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ kỹ thuật tại BSR (bảo dưỡng & sửa chữa, cung cấp thiết bị).
- Đào tạo và phát triển đội ngũ kỹ sư có chuyên môn cao, đặc biệt trong các dịch vụ đặc thù như lắp đặt dàn giáo, sửa chữa chuyên sâu.
- Lập kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng về nhà xưởng, máy móc, thiết bị, xây dựng hệ thống quy trình quản lý hoạt động dịch vụ kỹ thuật.
- Nghiên cứu phát triển lĩnh vực dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn máy móc thiết bị, tìm kiếm thị trường, đối tác để hợp tác cung ứng dịch vụ liên quan kiểm định/hiệu chuẩn.

4.4. Dịch vụ hậu cần khác

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các hợp đồng đã ký (giặt ủi công nghiệp, chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường, cho thuê lao động, ...).

- Tăng cường công tác đào tạo và nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp. Chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất và nguồn lực để cung cấp dịch vụ cho các nhà thầu thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và các dự án khác tại Khu kinh tế Dung Quất, thiết lập quan hệ hợp tác ngay từ đầu.

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư mở rộng các dịch vụ hậu cần khác nhằm tận dụng tối đa nguồn nhân lực của Công ty.

- Bên cạnh các dịch vụ truyền thống cần bổ sung các dịch vụ mới như các dịch vụ bảo dưỡng vừa và nhỏ, dịch vụ vệ sinh công nghiệp,... để tận dụng các thế mạnh về kho bãi, nhân sự và khoảng cách địa lý.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí để tối ưu hiệu quả kinh doanh.

5. Công tác tài chính

- Tăng cường các biện pháp đôn đốc, thu hồi công nợ khách hàng, gắn trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận/cá nhân phụ trách; áp dụng các điều khoản thanh toán chặt chẽ.

- Thực hiện theo dõi, dự báo dòng tiền thường xuyên, kịp thời phát hiện và điều chỉnh kế hoạch thu/chi, thực hiện đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, đa dạng hóa các kênh huy động vốn nhằm quản trị dòng tiền tối ưu, nâng cao hiệu quả cho hoạt động tài chính.

6. Công tác đầu tư

- Chuẩn bị các nguồn lực về con người, tài chính cho hoạt động đầu tư.

- Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu lựa chọn công nghệ tiên tiến, mức độ tự động hóa, an toàn và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từ các đơn vị trong ngành và đối tác chiến lược.

- Thực hiện công tác thẩm định, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư chặt chẽ, đảm bảo các yêu cầu pháp lý; thường xuyên rà soát cập nhật, đánh giá lại trong quá trình triển khai và vận hành.

- Chủ động, tích cực phối hợp với BSR trong việc trao đổi thông tin, định hướng đầu tư, lựa chọn công nghệ; tận dụng lợi thế về kinh nghiệm, hệ sinh thái của BSR trong triển khai các dự án; đảm bảo công tác đầu tư được triển khai đúng tiến độ và đạt hiệu quả.

7. Công tác nhân sự, đào tạo

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, bố trí lao động phù hợp;

- Thực hiện công tác đào tạo, tối ưu hóa nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động

- Lập kế hoạch nhu cầu nhân sự và chủ động đề xuất Công ty mẹ cử nhân sự hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong đó nhấn mạnh giá trị đặc trưng gắn với văn hóa 76 (7 chuẩn mực hành vi lãnh đạo BSPPT và 6 nguyên tắc văn hóa BSPPT), tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, người lao động.

9. Công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, phát huy phong trào đề xuất sáng kiến cải tiến, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh và tinh thần chủ động sáng tạo trong toàn thể người lao động.

- Công tác chuyển đổi số đã đạt được thành tựu nhất định, tuy nhiên vẫn chưa đạt kỳ vọng do hạn chế về hạ tầng CNTT, trong năm 2026 Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp khắc phục hạ tầng CNTT, thực hiện chuyển đổi số toàn diện các hoạt động của Công ty.

10. Công tác ESG

- Chuẩn hóa quy trình quản lý môi trường, thúc đẩy mua sắm và chuyển đổi xanh.

- Lồng ghép ESG vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực và đào tạo cán bộ, chuẩn hóa hoạt động trách nhiệm xã hội theo hướng có mục tiêu và đánh giá tác động.

11. Công tác đoàn thể

- Chăm lo bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động, tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, phát động các phong trào thi đua, gắn phong trào thi đua với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện văn hóa an toàn, kỷ luật lao động.

- Tổ chức các hoạt động nhằm tạo sự gắn kết đoàn kết nội bộ, triển khai các chương trình an sinh xã hội, từ thiện.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 của Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS (b/c);
- Lưu: VT, TCKT.





Phụ lục I

KẾ HOẠCH DOANH THU CHI PHÍ NĂM 2026

(Ban Quản lý Báo cáo số 60 /BC-BSPPT ngày 21 tháng 4 năm 2026)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
I	TỔNG DOANH THU	TỶ ĐỒNG	2.060,45	
1	Sản xuất kinh doanh bao bì	Tỷ đồng	83,81	
2	Kinh doanh dịch vụ	Tỷ đồng	112,19	
3	Kinh doanh Thương mại	Tỷ đồng	1.840,15	
	Hạt nhựa PP	“	1.338,49	
	Pallet gỗ	“	41,72	
	LPG	“	423,74	
	Lưu huỳnh hạt	“	36,20	
4	Doanh thu thương mại mới	Tỷ đồng	13,50	
5	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	10,80	
6	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,00	
II	TỔNG CHI PHÍ	TỶ ĐỒNG	2.037,70	
1	Chi phí vốn	“	1.993,38	
2	Chi phí quản lý Công ty	“	32,00	
3	Chi phí bán hàng	“	8,12	
4	Chi phí tài chính, khác	“	4,20	
5	Chi phí khác	“	-	
III	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG			
IV	LÃI (LỖ) TRƯỚC THUẾ	TỶ ĐỒNG	22,75	
V	XỬ LÝ TÀI CHÍNH			
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,75	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	4,60	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,15	
4	Chia cổ tức cho BSR (83,26%)	Tỷ đồng	12,7	
5	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)	%	8,7%	
6	ROA	%	4,0%	
7	ROE	%	9,3%	

Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2026



(Kèm theo Báo cáo số 60 /BC-BSPPT ngày 27 tháng 3 năm 2026)

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch năm 2026						Thực hiện công việc trong năm
						Số quyết định	Ngày, tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng mức đầu tư			Giá trị thực hiện đầu tư			Giá trị giải ngân			
									Tổng số	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
													Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	ĐẦU TƯ XDCB				Tỷ đồng							-	-	-	-	-	-	
I	Dự án chuyển tiếp				Tỷ đồng													
II	Dự án thực hiện trong năm				Tỷ đồng							-	-	-	-	-	-	
B	MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH				Tỷ đồng							3,8	3,8	-	3,8	3,8	-	
1	- 01 xe ô tô phục vụ SXKD				Tỷ đồng							2,0	2,0	-	2,0	2,0		
2	- 01 xe đầu kéo phục vụ giao nhận hàng				Tỷ đồng							1,8	1,8	-	1,8	1,8	-	
	Tổng (A)+(B)				Tỷ đồng							3,8	3,8	-	3,8	3,8	-	

Phụ lục III

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026 THEO QUÝ

Kèm theo Báo cáo số 60 /BC-BSPPT ngày 21 tháng 4 năm 2026)

Stt		Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I=2+... 5</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I	Các chỉ tiêu sản lượng và kinh doanh dịch vụ						
1.1	Sản phẩm thương mại						
a	Hạt nhựa PP	Tấn	58.800	14.700	14.700	14.700	14.700
b	Pallet gỗ	Cái	127.200	31.800	31.800	31.800	31.800
c	LPG	Tấn	24.600	6.150	6.150	6.150	6.150
d	Lưu huỳnh hạt	Tấn	2.700	675	675	675	675
1.2	Sản phẩm bao bì						
a	Bao nông sản	Triệu bao	1,81	0,66	0,34	0,24	0,57
b	Bao đóng gói hạt nhựa	Triệu bao	6,60	1,65	1,65	1,65	1,65
1.3	Chỉ tiêu kinh doanh dịch vụ	Tỷ đồng	112,19	31,41	31,23	22,28	27,27
a	Dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	Tỷ đồng	25,41	6,35	6,35	6,35	6,35
b	Dịch vụ vận chuyển	Tỷ đồng	38,00	9,50	9,50	9,50	9,50
c	Dịch vụ hậu cần khác (giặt là, nhà hàng, cho thuê xe đạp, xử lý côn trùng, chăm sóc cây xanh, hỗ trợ hành chính...)	Tỷ đồng	19,22	15,37	15,37	4,87	4,87
d	Dịch vụ mới (Dịch vụ kỹ thuật, xây lắp, O&M, Forwarding . . .)	Tỷ đồng	29,8	0,18	0,00	1,56	6,55
II	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	194,4	180,9	185,3	189,7	194,4
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	175,2	175,2	175,2	175,2	175,2
	- Tỷ lệ tham gia của BSR	%	83,26	83,26	83,26	83,26	83,26
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.060,4 5	516,56	514,03	511,27	518,60
	Sản xuất kinh doanh bao bì	Tỷ đồng	83,81	22,41	20,07	19,50	21,84
	Kinh doanh dịch vụ	Tỷ đồng	112,19	31,41	31,23	22,28	27,27
	Kinh doanh thương mại	Tỷ đồng	1.840,1 5	460,04	460,04	460,04	460,04
	Kinh doanh thương mại mới	Tỷ đồng	13,50	0,00	0,00	6,75	6,75
	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	10,80	2,70	2,70	2,70	2,70

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I=2+... 5</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,0	-	-	-	-
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,75	5,74	5,60	5,49	5,93
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	4,60	1,16	1,13	1,11	1,20
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,15	4,58	4,47	4,38	4,73
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	14,40	3,60	3,60	3,60	3,60
7	Chia cổ tức cho BSR (83,26%)	Tỷ đồng	12,7				
III	Chỉ tiêu đầu tư						
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	3,8	-	3,8	-	-
	<i>Trong đó: - Đầu tư XD CB</i>	<i>Tỷ đồng</i>	-	-	-		
	<i>- Mua sắm thiết bị/TSCĐ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	3,8	-	3,8	-	
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	3,8	-	3,8	-	-
	<i>Trong đó:</i>	<i>Tỷ đồng</i>					
	<i>- Vốn chủ sở hữu</i>	<i>"</i>	3,8	-	3,8	-	-
	<i>- Vốn vay + khác</i>	<i>"</i>	-	-	-	-	-
IV	Các chỉ tiêu khác						
1	Lao động và tiền lương:						
	<i>- Số lao động đầu kỳ (bao gồm BDH)</i>	<i>Người</i>	<i>296</i>	<i>296</i>	<i>306</i>	<i>306</i>	<i>306</i>
	<i>- Số lao động cuối kỳ (bao gồm BDH)</i>	<i>Người</i>	<i>306</i>	<i>306</i>	<i>306</i>	<i>306</i>	<i>306</i>
	<i>- Số lao động bình quân trong kỳ</i>	<i>Người</i>	<i>305</i>	<i>301</i>	<i>306</i>	<i>306</i>	<i>306</i>
	<i>- Tiền lương bình quân (bao gồm BDH)</i>	<i>Trđ/ng tháng</i>	<i>11,41</i>	<i>11,41</i>	<i>11,41</i>	<i>11,41</i>	<i>11,41</i>
	<i>- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu trừ chi phí chưa lương)</i>	<i>Trđ/ng</i>	<i>18,54</i>	<i>18,54</i>	<i>18,54</i>	<i>18,54</i>	<i>18,54</i>
	<i>- Quỹ lương người lao động và BDH</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>41,74</i>	<i>10,43</i>	<i>10,43</i>	<i>10,43</i>	<i>10,43</i>
	<i>- Quỹ lương và thù lao TVHD, KSV</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3,35</i>	<i>0,84</i>	<i>0,84</i>	<i>0,84</i>	<i>0,84</i>
2	Đào tạo	Lượt người	970	38	162	130	640
	<i>- Đào tạo cán bộ theo kế hoạch</i>	<i>"</i>	<i>970</i>	<i>38</i>	<i>162</i>	<i>130</i>	<i>640</i>
	<i>- Đào tạo dịch vụ</i>	<i>"</i>					
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	1,30	0,33	0,33	0,33	0,33
4	Công tác An sinh xã hội	Tỷ đồng	0,15	0,05	0,02	0,05	0,03
5	Nghiên cứu khoa học	Đề tài	6,00	-	-	-	-

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	$I=2+\dots$ <i>5</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
6	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	0,20	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
 BÌNH SƠN**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Thôn Phước Hòa, Xã Vạn Tường,

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Tá Vũ	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 11 tháng 02 năm 2026)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 02 năm 2026)
Ông Mai Tuấn Đạt	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 11 tháng 02 năm 2026)
Ông Phan Quốc Toàn	Thành viên
Ông Trần Xuân Thu	Thành viên
Ông Lê Xuân Sơn	Thành viên
Bà Hà Thị Hoa	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Quốc Toàn	Giám đốc
Ông Huỳnh Việt Cường	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Trịnh Văn	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Thế Bảo	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2026)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN

Thôn Phước Hòa, Xã Vạn Tường,

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Quốc Toàn
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026

Số: 0526 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn, gọi tắt là "Công ty", được lập ngày 02 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đào Ngọc Duy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5969-2023-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367.207.418.263	244.594.365.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	108.160.745.463	77.499.885.437
1. Tiền	111		12.288.064.013	26.627.203.987
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.872.681.450	50.872.681.450
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.266.010.000	70.266.010.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	100.266.010.000	70.266.010.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137.149.280.864	65.970.420.852
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	133.797.400.019	63.569.456.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		394.396.925	761.818
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.957.483.920	2.400.202.334
IV. Hàng tồn kho	140	9	18.392.736.785	29.151.382.921
1. Hàng tồn kho	141		18.392.736.785	29.151.382.921
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.238.645.151	1.706.666.532
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.008.651.861	1.706.666.532
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		884.470.043	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	345.523.247	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.356.452.232	43.935.275.933
I. Tài sản cố định	220		75.489.918.906	39.747.733.906
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	75.262.113.346	39.747.733.906
- Nguyên giá	222		232.031.863.417	188.986.058.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.769.750.071)	(149.238.324.821)
2. Tài sản cố định vô hình	227		227.805.560	-
- Nguyên giá	228		388.106.000	93.106.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(160.300.440)	(93.106.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		617.361.368	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		617.361.368	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.249.171.958	4.187.542.027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.249.171.958	4.187.542.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		448.563.870.495	288.529.641.675

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	257.204.261.941	96.086.706.642
I. Nợ ngắn hạn	310	257.204.261.941	96.020.706.642
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 12	152.601.254.045	84.731.044.896
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 13	275.066.578	824.721.715
3. Phải trả người lao động	314	12.379.606.522	5.240.240.570
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	507.514.980	573.681.723
5. Phải trả ngắn hạn khác	319 14	4.277.897.298	3.237.973.831
6. Vay ngắn hạn	320 15	83.600.000.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.562.922.518	1.413.043.907
II. Nợ dài hạn	330	-	66.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	-	66.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	191.359.608.554	192.442.935.033
I. Vốn chủ sở hữu	410 16	191.359.608.554	192.442.935.033
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	175.222.845.365	175.222.845.365
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	175.222.845.365	175.222.845.365
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	930.860.044	930.860.044
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	128.162.657	128.162.657
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15.077.740.488	16.161.066.967
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	15.077.740.488	16.161.066.967
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	448.563.870.495	288.529.641.675


 Nguyễn Thị Thúy Vân
 Người lập biểu


 Nguyễn Tấn Phát
 Kế toán trưởng


 Phan Quốc Toàn
 Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.444.502.419.142	813.040.460.823
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		1.444.502.419.142	813.040.460.823
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	1.391.926.830.433	773.962.279.271
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		52.575.588.709	39.078.181.552
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	7.649.032.156	4.289.836.496
6. Chi phí tài chính	22	23	1.468.915.882	16.881.156
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.456.138.630	2.394.521
7. Chi phí bán hàng	25	24	6.949.123.205	4.880.867.754
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	28.674.256.723	17.803.871.217
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		23.132.325.055	20.666.397.921
10. Thu nhập khác	31		14.580.000	500.000
11. Chi phí khác	32		237.855.458	241.805.151
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(223.275.458)	(241.305.151)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.909.049.597	20.425.092.770
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	2.953.879.109	2.264.025.803
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		19.955.170.488	18.161.066.967
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	860	709

Nguyễn Thị Thúy Vân
Người lập biểuNguyễn Tấn Phát
Kế toán trưởngPhan Quốc Toàn
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.909.049.597	20.425.092.770
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.598.619.690	7.070.681.934
Các khoản dự phòng	03	-	(2.950.000.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(120.565.685)	(82.139.150)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.504.766.628)	(4.200.728.363)
Chi phí lãi vay	06	1.456.138.630	2.394.521
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.338.475.604	20.265.301.712
Thay đổi các khoản phải thu	09	(71.606.576.622)	32.773.935.954
Thay đổi hàng tồn kho	10	10.758.646.136	(9.482.298.128)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	75.136.599.782	(6.054.721.827)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.363.615.260)	(855.637.290)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.404.303.014)	(2.394.521)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.336.187.508)	(2.956.536.782)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.183.487.000)	(5.639.139.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.339.552.118	28.048.510.118
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(43.678.448.369)	(396.740.909)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(52.100.000.000)	(5.600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.100.000.000	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.702.489.948	5.250.366.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.975.958.421)	4.253.625.147

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	698.400.000.000	5.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(614.800.000.000)	(5.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.423.299.356)	(11.934.186.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	71.176.700.644	(11.934.186.208)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	30.540.294.341	20.367.949.057
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	77.499.885.437	57.049.797.230
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	120.565.685	82.139.150
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	108.160.745.463	77.499.885.437

Nguyễn Thị Thúy Vân
Người lập biểuNguyễn Tấn Phát
Kế toán trưởngPhan Quốc Toàn
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4300429492 ngày 02 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 16 tháng 12 năm 2025. Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết với mã chứng khoán là PBT.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 352 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 348).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán hạt nhựa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sản xuất bao bì từ giấy Kraft;
- In ấn;
- Bán lẻ lương thực, đồ uống, nhiên liệu động cơ, sách, báo, văn phòng phẩm;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; và
- Các dịch vụ hậu cần khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, bao bì, hạt nhựa, kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và cung cấp các dịch vụ hậu cần.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp,
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hàng hóa mua ngoài, giá gốc hàng hóa mua vào bao gồm: Giá mua, chi phí thu mua (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hàng từ nơi mua về kho doanh nghiệp, chi phí bảo hiểm,...), các loại thuế, phí (nếu có). Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba (03 năm).

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, chi phí bảo hiểm, chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho hàng hóa hay dịch vụ cho thuê chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập tính thuế cho hoạt động sản xuất kinh doanh khác và thuế suất 10% tính trên thu nhập tính thuế cho dự án Nhà máy Sản xuất Bao bì Polypropylene trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2011); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2025, Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	28.267.963	82.205.059
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	12.259.796.050	26.544.998.928
Các khoản tương đương tiền (ii) (iii) (iv)	95.872.681.450	50.872.681.450
	108.160.745.463	77.499.885.437

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư tiền gửi không kỳ hạn bao gồm khoản tiền tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại - Chi nhánh Quảng Ngãi (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi) với giá trị 128.737.873 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 128.737.873 VND) là tiền gửi từ ngày 30 tháng 9 năm 2015 trở về trước đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 1,6%/năm đến 3,55%/năm).
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại - Chi nhánh Quảng Ngãi với giá trị là 102.681.450 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 102.681.450 VND) đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất với tổng số tiền 30.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND) được dùng để cầm cố cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng này.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	100.266.010.000	100.266.010.000	70.266.010.000	70.266.010.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,9%/năm đến 5,0%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất và Chi nhánh Quảng Ngãi, bao gồm:

- Khoản tiền gửi với số tiền 2.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15.000.000.000 VND) được dùng để ký quỹ bảo lãnh cho các hợp đồng dịch vụ giữa Công ty và Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- Các khoản tiền gửi với tổng số tiền 49.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND) được dùng để cầm cố cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất nhựa	30.423.615.853	-
Công ty Cổ phần Kanetora	22.122.802.152	2.508.155.288
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	19.017.547.355	26.411.414.194
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	18.817.392.444	-
Công ty Cổ phần Á Đông ADG	16.000.936.417	7.860.345.922
Các khoản phải thu khách hàng khác	27.415.105.798	26.789.541.296
	133.797.400.019	63.569.456.700
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	37.881.520.441	26.431.414.194

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi dự thu	2.782.928.181	1.980.651.501
Tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên	-	212.000.000
Phải thu khác	174.555.739	207.550.833
	2.957.483.920	2.400.202.334
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	486.267.124	451.326.028

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.926.249.205	-	9.787.096.268	-
Công cụ, dụng cụ	2.734.506.648	-	2.896.255.474	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	775.819.876	-	677.183.920	-
Thành phẩm	8.956.161.056	-	11.055.499.356	-
Hàng hoá	-	-	4.735.347.903	-
	18.392.736.785	-	29.151.382.921	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	663.527.100	606.332.026
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	511.511.292	537.371.259
Chi phí bảo hiểm	451.520.966	196.351.929
Khác	382.092.503	366.611.318
	2.008.651.861	1.706.666.532
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.037.708.493	1.807.480.994
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	2.675.622.939	2.103.110.431
Khác	535.840.526	276.950.602
	5.249.171.958	4.187.542.027

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	85.272.151.850	74.235.969.784	29.005.840.274	472.096.819	-	188.986.058.727
Tăng trong năm	718.400.900	65.000.000	-	538.855.037	71.856.000	1.394.111.937
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	166.034.000	-	41.485.658.753	-	-	41.651.692.753
Số dư cuối năm	86.156.586.750	74.300.969.784	70.491.499.027	1.010.951.856	71.856.000	232.031.863.417
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	55.641.021.978	70.931.788.280	22.392.159.653	273.354.910	-	149.238.324.821
Khấu hao trong năm	3.241.590.468	760.869.054	3.395.039.815	125.875.379	8.050.534	7.531.425.250
Số dư cuối năm	58.882.612.446	71.692.657.334	25.787.199.468	399.230.289	8.050.534	156.769.750.071
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	29.631.129.872	3.304.181.504	6.613.680.621	198.741.909	-	39.747.733.906
Tại ngày cuối năm	27.273.974.304	2.608.312.450	44.704.299.559	611.721.567	63.805.466	75.262.113.346

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 106.262.575.509 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 86.024.968.985 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số Cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	135.077.954.974	135.077.954.974	68.314.596.319	68.314.596.319
Phải trả cho các đối tượng khác	17.523.299.071	17.523.299.071	16.416.448.577	16.416.448.577
	<u>152.601.254.045</u>	<u>152.601.254.045</u>	<u>84.731.044.896</u>	<u>84.731.044.896</u>
Trong đó:				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	135.490.391.758	135.490.391.758	69.840.802.110	69.840.802.110

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	42.885.230	42.885.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	30.503.922	30.503.922
Thuế nhà đất	-	-	272.134.095	272.134.095
	-	-	<u>345.523.247</u>	<u>345.523.247</u>
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	428.449.874	7.024.895.444	7.453.345.318	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	351.804.477	2.953.879.109	3.305.683.586	-
Thuế thu nhập cá nhân	44.467.364	1.048.053.727	817.454.513	275.066.578
Tiền thuê đất	-	931.043.986	931.043.986	-
Thuế, phí khác	-	1.154.670.000	1.154.670.000	-
	<u>824.721.715</u>	<u>13.112.542.266</u>	<u>13.662.197.403</u>	<u>275.066.578</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức phải trả	6.760.068	6.760.068
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.576.815.140	2.831.198.150
Kinh phí công đoàn	278.632.839	145.046.789
Các khoản phải trả, phải nộp khác	415.689.251	254.968.824
	<u>4.277.897.298</u>	<u>3.237.973.831</u>

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	-	-	677.400.000.000	593.800.000.000	83.600.000.000	83.600.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
	-	-	698.400.000.000	614.800.000.000	83.600.000.000	83.600.000.000

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với ngân hàng. Các khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty, chịu lãi suất cố định theo từng lần nhận nợ và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 5 và Thuyết minh số 6.

Trong năm, các khoản vay ngắn hạn của Công ty chịu lãi suất từ 3,5%/năm đến 7,1%/năm.

20



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	175.222.845.365	1.265.855.044	128.162.657	15.172.873.021	191.789.736.087
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.161.066.967	18.161.066.967
Trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(3.162.121.013)	(3.162.121.013)
Trích Quỹ thưởng Cán bộ quản lý từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(411.000.000)	(411.000.000)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(11.599.752.008)	(11.599.752.008)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Giảm khác	-	(334.995.000)	-	-	(334.995.000)
Số dư đầu năm nay	175.222.845.365	930.860.044	128.162.657	16.161.066.967	192.442.935.033
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.955.170.488	19.955.170.488
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025	-	-	-	(4.877.430.000)	(4.877.430.000)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024 (i)	-	-	-	(281.832.000)	(281.832.000)
Trích Quỹ thưởng cán bộ quản lý từ lợi nhuận năm 2024 (i)	-	-	-	(3.455.935.611)	(3.455.935.611)
Chia cổ tức năm 2024 (i)	-	-	-	(12.423.299.356)	(12.423.299.356)
Số dư cuối năm	175.222.845.365	930.860.044	128.162.657	15.077.740.488	191.359.608.554

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-BSPPT ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5.455.935.611 VND (Công ty đã tạm trích trong năm 2024 số tiền 2.000.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm nay là 3.455.935.611 VND), trích Quỹ thưởng cán bộ quản lý: 281.832.000 VND, chia cổ tức bằng tiền: 12.423.299.356 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.522.284	17.522.284
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.522.284</i>	<i>17.522.284</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.522.284	17.522.284
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.522.284</i>	<i>17.522.284</i>

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 24 ngày 16 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 175.222.840.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	145.892.845.365	83,26	145.892.845.365	83,26
Ông Nguyễn Anh Triển	12.750.000.000	7,28	12.750.000.000	7,28
Khách sạn Cẩm Thành	5.500.000.000	3,14	5.500.000.000	3,14
Các cổ đông khác	11.080.000.000	6,32	11.080.000.000	6,32
	175.222.845.365	100	175.222.845.365	100

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cam kết thuê hoạt động

- (i) Công ty là bên đi thuê

Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	1.598.728.972	1.598.728.972
Trên 1 năm đến 5 năm	6.394.915.886	6.394.915.886
Trên 5 năm	27.578.074.759	29.176.803.730
	35.571.719.617	37.170.448.588

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo các hợp đồng thuê đất dài hạn và các phụ lục đã ký kết phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi với thời hạn thuê trong 32 năm, đến hết tháng 3 năm 2048.

(ii) Công ty là bên cho thuê

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các hợp đồng cho thuê nhà dài hạn tại Khu tập thể đề bao sông Trà Khúc và Khu tập thể Vạn Tường; các hợp đồng cho thuê tài sản với thời hạn thuê từ 01 năm đến 10 năm. Giá thuê được quy định cụ thể theo từng hợp đồng đối với các khách hàng thuê.

Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tổng số tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	520.000.000	2.053.238.182
Trên 1 năm đến 5 năm	-	520.000.000
	<u>520.000.000</u>	<u>2.573.238.182</u>

Ngoại tệ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	57.071,73	107.232,71

Nợ khó đòi đã xử lý

Trong năm 2021, Công ty đã xóa sổ 504.814.246 VND nợ khó đòi do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 25/QĐ-HĐQT-PVBLD ngày 13 tháng 10 năm 2021 trong đó bao gồm các khoản phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung và Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chỉ thực hiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất bao bì và các lĩnh vực khác (kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu, cho thuê nhà, dịch vụ quản lý nhà, vận chuyển...) và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Công ty không theo dõi riêng tài sản, nợ phải trả bộ phận. Công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Chỉ tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.312.311.836	1.353.190.107.306	1.444.502.419.142
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	66.380.421.840	1.325.546.408.593	1.391.926.830.433
3. Chi phí bán hàng	2.718.157.338	4.230.965.867	6.949.123.205
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.348.941.609	26.325.315.114	28.674.256.723
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	7.649.032.156	7.649.032.156
6. Chi phí tài chính	-	1.468.915.882	1.468.915.882
7. Thu nhập khác	-	14.580.000	14.580.000
8. Chi phí khác	-	237.855.458	237.855.458
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.864.791.049	3.044.258.548	22.909.049.597

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Chỉ tiêu	Sản xuất bao bì	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.451.960.406	728.588.500.417	813.040.460.823
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	66.203.479.146	707.758.800.125	773.962.279.271
3. Chi phí bán hàng	2.521.417.347	2.359.450.407	4.880.867.754
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.554.488.346	15.249.382.871	17.803.871.217
5. Doanh thu hoạt động tài chính	-	4.289.836.496	4.289.836.496
6. Chi phí tài chính	-	16.881.156	16.881.156
7. Thu nhập khác	-	500.000	500.000
8. Chi phí khác	-	241.805.151	241.805.151
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.172.575.567	7.252.517.203	20.425.092.770

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hạt nhựa	945.123.562.296	604.775.676.327
Doanh thu bán LPG	247.886.442.213	-
Doanh thu sản phẩm Nhà máy Bao bì	91.312.311.836	84.451.960.406
Doanh thu bán pallet	39.923.000.000	36.649.800.000
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	34.246.409.416	34.582.087.556
Doanh thu dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	25.573.918.018	23.938.725.831
Doanh thu bán Lưu huỳnh hạt	8.361.662.691	-
Doanh thu dịch vụ khác	52.075.112.672	28.642.210.703
	1.444.502.419.142	813.040.460.823
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan chủ yếu	382.990.748.447	174.117.140.100
(Chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 27)		

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hạt nhựa	936.293.175.716	598.297.719.017
Giá vốn bán LPG	245.647.687.434	-
Giá vốn bán sản phẩm Nhà máy Bao bì	66.380.421.840	66.203.479.146
Giá vốn bán pallet	37.657.961.982	35.242.854.538
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	27.809.860.641	28.978.252.817
Giá vốn dịch vụ quản lý nhà và cho thuê nhà	21.448.445.612	21.048.279.910
Giá vốn bán Lưu huỳnh hạt	8.216.800.564	-
Giá vốn dịch vụ khác	48.472.476.644	24.191.693.843
	1.391.926.830.433	773.962.279.271

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.478.792.553	62.534.032.275
Chi phí nhân công	63.997.063.777	51.472.945.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.598.619.690	7.070.681.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.715.796.979	35.561.593.188
Chi phí dự phòng	-	(2.950.000.000)
Chi phí khác bằng tiền	17.438.018.526	12.980.585.678
	209.228.291.525	166.669.838.881

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	7.504.766.628	4.200.728.363
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	125.949.250	82.139.150
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	18.316.278	6.968.983
	7.649.032.156	4.289.836.496

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.456.138.630	2.394.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	5.383.565	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	7.393.687	14.486.635
	1.468.915.882	16.881.156

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	2.831.087.493	2.389.101.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.140.330.320	254.716.061
Chi phí khác	1.977.705.392	2.237.050.659
	6.949.123.205	4.880.867.754
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	18.157.691.643	12.128.409.310
Chi phí vật liệu quản lý	579.967.195	915.298.090
Chi phí công cụ, dụng cụ	279.546.430	273.405.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.072.678.290	966.638.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.161.120.436	2.759.512.781
Chi phí khác	4.423.252.729	3.710.607.105
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(2.950.000.000)
	28.674.256.723	17.803.871.217

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	22.909.049.597	20.425.092.770
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.816.238.725	792.970.879
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	24.725.288.322	21.218.063.649
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	4.813.502.766	8.020.817.468
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi	19.911.785.556	13.197.246.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.953.879.109	2.923.888.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(659.862.309)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm nay	2.953.879.109	2.264.025.803

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.955.170.488	18.161.066.967
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(4.877.430.000)	(5.455.935.611)
Trích Quỹ thưởng Cán bộ quản lý (VND)	-	(281.832.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	15.077.740.488	12.423.299.356
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	17.522.284	17.522.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	860	709

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	192.779.335.629	173.789.867.375
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	189.694.679.651	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	218.181.816	218.181.816
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	138.000.000	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	110.087.971	109.090.909
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí	50.463.380	-
	382.990.748.447	174.117.140.100
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.185.555.496.614	600.224.850.157
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	3.749.735.126	3.111.932.959
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.468.452.272	13.216.070.457
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.253.170.908	2.153.750.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	944.208.571	-
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	646.798.180	503.107.042
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	204.250.928	180.440.113
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	5.876.712	35.033.042
	1.193.827.989.311	619.425.183.770
Lãi tiền gửi		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	832.078.733	804.968.578
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	10.343.802.356	9.658.106.008
Ông Nguyễn Anh Triển	903.975.000	844.050.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	4.115.726.589	9.042.495.954
Tương đương tiền		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	2.000.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	17.100.000.000	17.100.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	19.017.547.355	26.411.414.194
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	18.817.392.444	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	40.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công Trình Dầu Khí	6.580.642	-
	37.881.520.441	26.431.414.194

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	486.267.124	451.326.028
	486.267.124	451.326.028
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	135.077.954.974	68.314.596.319
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL miền Trung	371.197.800	301.220.700
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	520.128.000
Công ty cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	41.238.984	-
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	704.857.091
	135.490.391.758	69.840.802.110

Tổng thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Mai Tuấn Đạt	190.408.247	26.057.921
Ông Lê Xuân Sơn	714.030.925	474.109.907
Bà Hà Thị Hoa	714.030.925	474.109.907
Ông Phan Quốc Toàn	142.806.185	-
Ông Trần Xuân Thu	142.806.185	34.546.485
Ông Phạm Tuấn Anh	-	78.173.762
Ban Giám đốc		
Ông Phan Quốc Toàn	833.036.080	219.994.180
Ông Huỳnh Việt Cường	714.030.925	474.109.907
Ông Huỳnh Trịnh Văn	714.030.925	474.109.907
Ông Trần Xuân Thu	-	333.134.044
Ban Kiểm soát		
Bà Đỗ Thị Phương Thúy	666.428.864	284.465.944
Bà Phạm Thanh Thảo	307.902.224	252.858.616
Ông Phan Bá Công	95.204.123	46.325.192
Kế toán Trưởng		
Ông Nguyễn Tấn Phát	666.428.864	395.091.588

28. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời gian kết thúc dự án của Nhà máy Sản xuất Bao bì PolyPropylene và Khu tập thể đê bao sông Trà Khúc. Công ty đánh giá rằng, chi phí liên quan đến việc hoàn trả nguyên trạng các khu đất thuê không được ước tính một cách đáng tin cậy do chưa có đủ thông tin và phương pháp ước tính chi phí phù hợp. Do đó, Công ty không ghi nhận dự phòng liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả nguyên trạng các khu đất trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thuyết minh bổ sung về các giao dịch phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 2.782.928.181 VND (năm trước: 1.980.651.501 VND) là số tiền lãi của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm chưa thực thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 279.717.689 VND (năm trước: 0 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 51.835.616 VND (năm trước: 0 VND) là số tiền lãi của các khoản vay phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Thúy Vân
Người lập biểu



Nguyễn Tấn Phát
Kế toán trưởng



Phan Quốc Toàn
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

Số: 34 /BC-HĐQT-BSPPT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 do Ban điều hành xây dựng và trình bày tại Đại hội đã đánh giá đánh giá tình hình và nêu bật kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty; Báo cáo này Hội đồng quản trị tập trung các nội dung đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và công tác giám sát quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Giám đốc và Ban điều hành; đồng thời, đề ra Kế hoạch hoạt động năm 2026 với các nội dung cơ bản sau:

**Phần thứ nhất
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025**

I. Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu HĐQT

Năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty ổn định về số lượng, cơ cấu, thành phần gồm 05 thành viên gồm 01 Chủ tịch kiêm nhiệm, 01 thành viên kiêm Giám đốc, 01 thành viên kiêm nhiệm và 02 thành viên chuyên trách:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng CP có quyền biểu quyết
1	Mai Tuấn Đạt	Chủ tịch (Bổ nhiệm 01/10/2024)	6.132.800	0	6.132.800
2	Phan Quốc Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm 01/10/2024)	5.256.600	0	5.256.600
3	Trần Xuân Thu	Thành viên (Bổ nhiệm 28/4/2021)	1.752.228	104.500	1.856.728
4	Lê Xuân Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm 28/4/2021)	1.447.656	0	1.447.656

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng CP có quyền biểu quyết
5	Hà Thị Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm 28/4/2021)	1.285.300	82.300	1.367.600

2. Hoạt động của HĐQT

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, HĐQT đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức trước các diễn biến phức tạp và khó khăn thách thức trong năm 2026 để hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, từng bước xây dựng Công ty ngày càng ổn định về tổ chức, sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo là đơn vị hậu cần uy tín của BSR; đồng thời phát triển các lĩnh vực liên quan theo định hướng của BSR.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, HĐQT đã ban hành chương trình làm việc năm 2025 và điều chỉnh phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách, chỉ đạo và giám sát cụ thể và rõ ràng theo lĩnh vực phù hợp với năng lực trình độ và yêu cầu nhiệm vụ của Công ty nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo và giám sát của HĐQT đối với hoạt động của BDH trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và cấp thẩm quyền liên quan; Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ; các thành viên HĐQT cùng có ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định.

Bên cạnh việc hoàn thành nhiệm vụ của tập thể HĐQT, từng thành viên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

Ông Mai Tuấn Đạt, Chủ tịch HĐQT:

+ Phụ trách chung, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan;

+ Công tác Tổ chức nhân sự; đổi mới, tái cấu trúc Công ty.

+ Chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty;

+ Chỉ đạo công tác xây dựng Văn hoá Công ty;

+ Công tác quản lý vốn, quản trị rủi ro.

Ông Phan Quốc Toàn, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty:

+ Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan;

- + Trực tiếp điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Công tác nghiên cứu đánh giá, mở rộng thị trường, đánh giá cơ hội kinh doanh, mở rộng ngành nghề kinh doanh.
- + Trực tiếp chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty, xây dựng Văn hoá Công ty;
- + Chế độ chính sách; Đánh giá cán bộ; Thi đua khen thưởng;
- + Công tác công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Ông Trần Xuân Thu, Thành viên HĐQT:

Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nội dung:

- + Lĩnh vực kinh doanh thương mại;
- + Tham mưu công tác quản trị doanh nghiệp
- + Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty theo lĩnh vực được phân công và xây dựng Văn hoá Công ty.

Ông Lê Xuân Sơn, Thành viên HĐQT:

Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nội dung:

- + Quan hệ cổ đông, truyền thông;
- + Lĩnh vực Kỹ thuật Công nghệ, ESG;
- + Lĩnh vực mua sắm, đầu tư, sản xuất;
- + Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty và xây dựng Văn hoá Công ty theo lĩnh vực được phân công.

Bà Hà Thị Hoa, Thành viên HĐQT:

Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nội dung:

- + Lĩnh vực Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ của Công ty;
- + Lĩnh vực Tài chính, kế toán;
- + Lĩnh vực quản lý tài sản;
- + Lĩnh vực pháp chế rủi ro;
- + Tham gia chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty và xây dựng Văn hoá Công ty theo lĩnh vực được phân công.

- Năm 2025, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 56 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT đều được chuẩn bị đầy đủ về nội dung, đảm bảo trình tự, nguyên tắc theo quy định của Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc hướng dẫn liên quan; các cuộc họp đã thảo luận và tập trung giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và định hướng phát triển Công ty; đưa các giải pháp phù hợp trong việc thực thi kế hoạch SXKD nhằm tháo gỡ vướng mắc đồng hành với BDH và người lao động vượt qua khó khăn thách thức ... Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 21 nghị quyết, 51 quyết định với các nội dung chủ yếu tập trung đến công tác hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý Công ty, thực hiện vai trò của HĐQT trong việc định hướng phát triển, triển khai các hoạt động SXKD của Công ty và giám sát các hoạt động đầu tư, mua sắm thuộc thẩm quyền của HĐQT.

(Có Danh mục Nghị quyết và Quyết định kèm theo)

- HĐQT chú trọng công tác phối hợp với BKS trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý thông tin tình hình SXKD thực tế của Công ty.

- HĐQT thực hiện tốt các nội dung công việc do ĐHĐCĐ giao.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT và các thành viên đã trực tiếp tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc việc chuẩn bị các nội dung trình HĐQT/Đại hội đồng cổ đông.

II. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc

(có Tờ trình kèm theo)

III. Báo cáo giao dịch với người có liên quan

(Có Phụ lục đính kèm)

IV. Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành

1. Phương thức giám sát hoạt động của Ban điều hành

- Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT đã tiến hành giám sát tính hiệu quả và phù hợp trong hoạt động của Ban điều hành thông qua việc trao đổi, thảo luận với Giám đốc Công ty và Ban điều hành tại các cuộc họp HĐQT; đảm bảo các chính sách và định hướng hoạt động tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trên cơ sở báo cáo định kỳ của Ban điều hành về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất kiến nghị tại các kỳ họp định kỳ và các báo cáo theo

yêu cầu/ đề xuất phát sinh, HĐQT đã xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và đề ra kế hoạch/ định hướng, chấp thuận phù hợp nhằm tạo mọi điều kiện cho Ban điều hành triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và các nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Nhận xét đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Căn cứ vào Báo cáo của Giám đốc về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận và đánh giá kết quả hoạt động của Ban điều hành như sau:

2.1 Những việc đã làm được:

Trong năm 2025, Giám đốc Công ty và Ban điều hành đã có sự tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế hoạt động của Công ty.

Dưới sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc, Công ty đã đạt và vượt đa số các chỉ tiêu kinh doanh tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các điều chỉnh bổ sung trong năm. Các chủ trương của ĐHĐCĐ và HĐQT đã được Giám đốc và Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện tốt. Công tác tài chính, kế toán, thống kê, kế hoạch, quản trị chi phí đã được chú trọng, tài sản và tiền vốn của Công ty được quản lý chặt chẽ.

Giám đốc đã chỉ đạo các phòng chức năng chú trọng kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm theo từng công đoạn, gắn trách nhiệm về chất lượng sản phẩm tới từng bộ phận sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và từng bước chú trọng đến công tác tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Các dịch vụ hậu cần phục vụ cho NMLD Dung Quất từng bước chú trọng về chiều sâu, chất lượng cũng như tính chuyên nghiệp của dịch vụ; khẳng định vị trí là một trong những đối tác chiến lược của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Công tác nghiên cứu phát triển KHCN được chú trọng và phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo của tập thể và cá nhân người lao động toàn Công ty và từng bước đi vào chiều sâu thực chất, hướng đến mang lại hiệu quả cho Công ty.

Công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty xây dựng một khối đoàn kết, thống nhất tuyệt đối trong tập thể đơn vị; chỉ đạo các bộ phận luôn quan tâm sâu sắc và chăm lo chu đáo cho đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty; tạo cơ chế khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo, nhiệt huyết trong công việc, tham gia tích cực và có đóng góp đáng kể cho các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa...

Công tác công bố thông tin được thực hiện đúng quy định của Nhà nước đối với công ty đại chúng quy mô lớn có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom.

Ban điều hành nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành hoạt động SXKD; đồng thời tham mưu và ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Công ty; Thực hiện tốt được vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện đúng quy định. Công tác thi đua khen thưởng đã kịp thời động viên cá nhân và tập thể có thành tích tốt, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một kết quả một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu đạt 1.452,17 tỷ đồng, tăng 8% so với kế hoạch năm, vượt 78 % so với năm 2024
- Lợi nhuận trước thuế 22,91 tỷ đồng, tăng 15% so với kế hoạch năm, vượt 12 % so với năm 2024
- Nộp ngân sách 13,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế 19,96 tỷ đồng, tăng 17% so với kế hoạch năm, vượt 10% so với năm 2024
- Thu nhập bình quân người lao động 11,99 triệu đồng/người/tháng, tăng 22% so với kế hoạch năm, vượt 24% so với năm 2024

2.2 Những nội dung cần lưu ý:

Bên cạnh những việc làm được đã nêu; HĐQT nhận thấy trong thời gian đến, Ban điều hành cần tập trung giải quyết triệt để một số nội dung:

- Có giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh Khu tập thể đề bao và Khu 4,8 ha;
- Tập trung triển khai nghiên cứu, tìm hiểu và đề xuất các dự án đầu tư;
- Chú trọng công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp và chuyển đổi số;
- Tăng cường công tác tham mưu rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy chế, quy trình; thực hiện đúng tiến độ việc giải trình các nội dung khi có yêu cầu.

Phần thứ hai KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Trên cơ sở nhận định tình hình về những thuận lợi, khó khăn và thách thức có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Ban điều hành nhận định làm cơ sở xây dựng Kế hoạch nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2026; Hội đồng quản trị xác định Kế hoạch hoạt động năm 2026 với mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

Tổ chức vận hành Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo an toàn, tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát tốt ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất để tăng hiệu quả đối với các dòng sản phẩm hiện có.

Đẩy mạnh công tác thị trường, mở rộng đầu tư mở rộng sản xuất các loại sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, chú trọng hơn trong công tác nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tạo các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất ngày càng nhiều hơn, sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn.

Tập trung nghiên cứu, nắm bắt thị trường để mở rộng danh mục sản phẩm kinh doanh, củng cố quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng chủ chốt cùng với mở rộng danh sách khách hàng tiềm năng. Chú trọng hơn nữa công tác mở rộng danh mục sản phẩm, thị trường tiêu thụ, tìm kiếm và lựa chọn đối tác uy tín, đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả việc phân phối sản phẩm hạt nhựa PP, LPG và các sản phẩm khác của Nhà máy lọc dầu.

Kịp thời nắm bắt thông tin thị trường để triển khai các gói thầu cung cấp dịch vụ cho BSR và các đơn vị khác, nhất là phục vụ cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Mở rộng lĩnh vực dịch vụ hậu cần khác trên cơ sở tận dụng các điều kiện sẵn có và chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, kiện toàn hệ thống văn bản pháp lý và tăng cường giám sát nội bộ.

Không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ và người lao động, bổ sung nhân sự có năng lực quản lý điều hành; triển khai chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động có trình độ chuyên môn cao nhằm thu hút nhân sự phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty.

2. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % so với thực hiện 2025
1	2	3	5	6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH			
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.060,45	142%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,75	99,3%
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	14,40	109,8%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,15	91,0%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%/vốn	8,7%	119,5%

II	CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG			
1	Lao động bình quân	Người	305	104,44%
2	Năng suất lao động BQ theo tổng DT trừ chi phí chưa lương	Trđ/ng/t h	18,54	94,08%
3	Mức tiền lương bình quân	Trđ/th	11,41	95,13%
4	Quỹ lương tiền lương NLĐ và BDH	Tỷ đồng	41,74	97,99%
III	CÔNG TÁC ĐẦU TƯ			
	Mua sắm TTB và TSCĐ	Tỷ đồng	3,8	8,42%
+	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3,8	
+	Vốn vay	Tỷ đồng	0	

(Phụ lục Chi tiết tại Báo cáo và các giải trình của Ban điều hành)

3. Nhiệm vụ chủ yếu:

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định, trên cơ sở những định hướng phát triển; trong năm 2026, HĐQT xác định sẽ tập trung một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tiếp tục kiện toàn sắp xếp lại tổ chức sản xuất từng lĩnh vực nhằm tăng cường hiệu quả SXKD. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thiện cơ cấu nhân sự, bộ máy tổ chức toàn Công ty; có kế hoạch quy hoạch cán bộ dài hạn và tập trung đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trẻ đảm bảo sự kế thừa.

- Chú trọng phát triển lực lượng sản xuất, đảm bảo có đội ngũ người lao động lành nghề, chuyên nghiệp theo từng lĩnh vực kinh doanh. Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ và người lao động.

- Tập trung công tác nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư phù hợp với tình hình, đáp ứng nhu cầu thị trường kinh doanh và khả năng của Công ty.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, quy định quản lý nội bộ trong từng giai đoạn cụ thể để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và sự thay đổi của pháp luật. Tiếp tục củng cố hệ thống tài chính kế toán theo chuẩn mực chung. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty trên mọi lĩnh vực.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của Công ty theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền theo đúng quy định. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông như: Trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp cận thông tin và tiếp nhận, xử lý các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty của cổ đông.

- Chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp cụ thể theo từng giai đoạn phù hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch năm và định hướng của Chiến lược phát triển Công ty.

- Tiếp tục chỉ đạo rà soát bổ sung hoàn thiện Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2030 và tầm nhìn 2045. Đồng thời đề xuất giải pháp phù hợp để tiếp tục duy trì tư cách công ty đại chúng và hướng đến niêm yết cổ phiếu trên thị trường tại sàn giao dịch HNX hoặc HOSE.

- Phối hợp với Chi ủy chỉ đạo các đoàn thể trong Công ty phát động người lao động tích cực thi đua lao động góp phần hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2026; chú trọng đến đời sống của người lao động về thu nhập, chế độ chăm sóc sức khỏe, các hoạt động về tinh thần, thể chất.

Phần thứ ba KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Nhằm đảm bảo tốt các điều kiện triển khai thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ đặt ra trong năm 2026 và những năm tiếp theo; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận một số nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo kế quả sản xuất kinh doanh và Kế hoạch trọng tâm năm 2026, Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát và các nội dung liên quan;

- Chấp thuận việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan (có Tờ trình kèm theo);

- Thông qua việc kiện toàn Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định (có Tờ trình kèm theo);

- Giao Hội đồng quản trị xác định giải pháp và phương án cụ thể, phù hợp để đảm bảo tư cách công ty đại chúng theo quy định (có Tờ trình kèm theo)

Để thực hiện tốt kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội phê duyệt; Hội đồng quản trị kính đề nghị các cổ đông tiếp tục hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh với việc ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Công ty tạo điều kiện để Công ty tham gia cung cấp các dịch vụ theo nguyên tắc chất lượng, công khai, minh bạch, hiệu quả và đảm bảo cạnh tranh.

Hội đồng quản trị kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



Bùi Tá Vũ

TỜ TRÌNH

Về việc xin thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung ngày 02/12/2025;

Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT-BSPPT ngày 15/05/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo đúng chuẩn mực, đồng thời đã được công bố thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán theo quy định vào ngày 02/3/2026, bao gồm:

- (1) Báo cáo của Ban giám đốc;
- (2) Báo cáo kiểm toán độc lập;
- (3) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
- (4) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025;
- (5) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025;
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025;

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	367.207.418.263	244.594.365.742
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	108.160.745.463	77.499.885.437
	1. Tiền	111	12.288.064.013	26.627.203.987
	2. Các khoản tương đương tiền	112	95.872.681.450	50.872.681.450

TÀI SẢN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	100.266.010.000	70.266.010.000
	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	100.266.010.000	70.266.010.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	137.149.280.864	65.970.420.852
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	133.797.400.019	63.569.456.700
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	394.396.925	761.818
	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.957.483.920	2.400.202.334
IV.	Hàng tồn kho	140	18.392.736.785	29.151.382.921
	1. Hàng tồn kho	141	18.392.736.785	29.151.382.921
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	3.238.645.151	1.706.666.532
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.008.651.861	1.706.666.532
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	884.470.043	-
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	345.523.247	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	81.356.452.232	43.935.275.933
I.	Tài sản cố định	220	75.489.918.906	39.747.733.906
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	76.262.113.346	39.747.733.906
	- Nguyên giá	222	232.031.863.417	188.896.058.727
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(156.769.750.071)	(149.238.324.821)
	2. Tài sản cố định vô hình	227	227.805.560	
	- Nguyên giá	228	388.106.000	93.106.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(160.300.440)	(93.106.000)
II	Tài sản dở dang dài hạn	240	617.361.368	
	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	617.361.368	
III.	Tài sản dài hạn khác	260	5.249.171.958	4.187.542.027
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.249.171.958	4.187.542.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270	448.563.870.495	288.529.641.675

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300	257.204.261.941	96.086.706.642
I.	Nợ ngắn hạn	310	257.204.261.941	96.020.706.642
	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	152.601.254.045	84.731.044.896
	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	275.066.578	824.721.715
	3. Phải trả người lao động	314	12.379.606.522	5.240.240.570
	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	507.514.980	573.681.723
	5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.277.897.298	3.237.973.831
	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	83.600.000.000	-
	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.562.922.518	1.413.043.907
II.	Nợ dài hạn	330	-	66.000.000
	1. Phải trả dài hạn khác	337	-	66.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	191.359.608.554	192.442.935.033
I.	Vốn chủ sở hữu	410	191.359.608.554	192.442.935.033

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	175.222.845.365	175.222.845.365
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	175.222.845.365	175.222.845.365
	2. Quỹ đầu tư phát triển	418	930.860.044	1.265.855.044
	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	128.162.657	128.162.657
	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15.077.740.488	16.161.066.967
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	15.077.740.488	16.161.066.967
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440	448.563.870.495	288.529.641.675

2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.444.502.419.142	813.040.460.823
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.444.502.419.142	813.040.460.823
3. Giá vốn hàng bán	11	1.391.926.830.433	773.962.279.271
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	52.575.588.709	39.078.181.552
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.649.032.156	4.289.836.496
6. Chi phí tài chính	22	1.468.915.882	16.881.156
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1.456.138.630	2.394.521
7. Chi phí bán hàng	25	6.949.123.205	4.880.867.754
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.674.256.723	17.803.871.217
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	23.132.325.055	20.666.397.921
10. Thu nhập khác	31	14.580.000	500.000
11. Chi phí khác	32	237.855.458	241.805.151
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(223.275.458)	(241.305.151)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	22.909.049.597	20.425.092.770
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.953.879.109	2.264.025.803
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	19.955.170.488	18.161.066.967
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	860	709

3. Ý kiến của Công ty kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tá Vũ

TỜ TRÌNH

**Về việc xin phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025
và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026
của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung ngày 02/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-BSPPT ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn;

Trên cơ sở Nghị quyết số 5491/NQ-BSR ngày 31/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn về việc chấp thuận điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn và Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-BSPPT ngày 31/12/2025 của Hội đồng quản trị BSPPT về việc chấp thuận điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2026 một số nội dung sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Kế hoạch 2025 (đ/c)	Thực hiện 2025	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát làm việc chuyên trách	2.232,55	2.852,26	Tăng quỹ tiền lương, thù lao do lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch
2	Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách	493,51	690,91	

Chi tiết tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Stt	Bộ phận	Thực hiện năm 2025		Ghi chú
		Số người bình quân	Số tiền (đồng)	
I.	Hội đồng quản trị	5,00	1.904.082.467	
1	Chủ tịch (không chuyên trách)	1,00	190.408.247	
2	Thành viên	2,00	1.428.061.850	
3	Thành viên (không chuyên trách)	2,00	285.612.370	
II.	Ban kiểm soát	2,65	1.069.535.211	
1	Trưởng ban	1,00	666.428.864	
2	Thành viên	0,65	307.902.224	
3	Thành viên (không chuyên trách)	1,00	95.204.123	

2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Ghi chú
1	Quỹ tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát làm việc chuyên trách	4,88	3.001,02	Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách kể từ ngày 11/02/2026
2	Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách	3,12	353,13	

Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026 sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào số lượng thành viên chuyên trách, không chuyên trách và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026 đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Tá Vũ

TỜ TRÌNH

**Về việc xin phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2025
và phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-BSPPT ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-BSPPT ngày 31/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Trên cơ sở Nghị quyết số 5491/NQ-BSR ngày 31/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn về việc chấp thuận điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn và Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-BSPPT ngày 31/12/2025 của Hội đồng quản trị BSPPT về việc chấp thuận điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2026 một số nội dung sau:

1. Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

Lợi nhuận sau thuế	19.955.170.488
1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi <i>(2,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động)</i>	6.707.185.697
2. Thưởng hoàn thành nhiệm vụ <i>(1,0 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện của người quản lý)</i>	491.762.039
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ và thưởng hoàn thành nhiệm vụ (chia cổ tức cho các cổ đông)	12.756.222.752

- Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn: 83,26%	10.620.998.752
- Khách sạn Cẩm Thành: 3,14%	400.400.000
- Nhóm cổ đông cá nhân: 13,6%	1.734.824.000

* Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ: 7,28%.

2. Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế của năm 2026

2.1. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2,0 tháng tiền lương bình quân của người lao động;

2.2 Thưởng hoàn thành nhiệm vụ: 1,0 tháng tiền lương, thù lao bình quân của người quản lý

2.3 Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ: 8,7%

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tá Vũ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**
Số: 38/TTr-HĐQT-BSPPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc xin chấp thuận ký kết hợp đồng, giao dịch
với Người có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn liên quan;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2024, sửa đổi bổ sung ngày 02/12/2025;

Trên cơ sở đề xuất của Giám đốc về việc báo cáo xin chủ chấp thuận ký kết Hợp đồng với người có liên quan.

Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Quý cổ đông Công ty xem xét chấp thuận việc ký kết các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người có liên quan như Phụ lục đính kèm.

Kính trình Quý cổ đông xem xét, chấp thuận.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Tá Vũ



PHỤ LỤC: NỘI DUNG CHỦ YẾU, GIÁ TRỊ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
(Kèm theo Tờ trình số **38** /TTr-HĐQT-BSPT ngày **21/4/2026**)

TT	Nội dung trích yếu Hợp đồng	Tổng giá trị Hợp đồng dự kiến (VNĐ)	Thời hạn thực hiện Hợp đồng	Hình thức thực hiện	Ghi chú
1	Bao tiêu sản phẩm khí dầu mỏ hóa lỏng LPG của Nhà máy lọc dầu Dung Quất giai đoạn từ 01/1/2026 đến 31/12/2026.	400.000.000.000 VNĐ (Sản lượng: 2.000 ÷ 2.500 tấn/tháng)	Từ ngày 01/01/2026 đến 31/12/2026	Theo công thức giá	
2	Cung cấp Pallet để sử dụng tại Phân xưởng PP theo Đơn hàng số 472-1100003556/ĐH-ĐĐSX	147.928.000.000 VNĐ (Số lượng: 410.000 cái)	Từ ngày 25/2/2026 đến 25/2/2029	Theo đơn giá	
3	Mua bán sản phẩm Polypropylene Dung Quất: Hợp đồng số 1834/BSR-BSPT ngày 29 tháng 12 năm 2025	1.200.000.000.000 VNĐ (Sản lượng: 4.500 ÷ 5.400 tấn/tháng)	Đến ngày 31/12/2026	Theo công thức giá	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**
Số : **39**/TTr-HĐQT-BSPPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày **21** tháng **4** năm 2026

TỜ TRÌNH
Về kiện toàn Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các sửa đổi, bổ sung hướng dẫn liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các sửa đổi, bổ sung hướng dẫn liên quan;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/5/2024, sửa đổi bổ sung ngày 02/12/2025.

Hội đồng quản trị báo cáo và xin ý kiến về việc kiện toàn Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

I. Tình hình nhân sự

1. Hội đồng quản trị

Ngày **28/4/2021**, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 gồm 04 thành viên:

01. Ông **Phạm Tuấn Anh**, Người đại diện phần vốn của BSR và được Hội đồng quản trị bầu giữ chức danh Chủ tịch HĐQT;

02. Ông **Trần Xuân Thu**, Người đại diện phần vốn của BSR và đã được Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức danh Giám đốc;

03. Ông **Lê Xuân Sơn**, Người đại diện phần vốn của BSR là Thành viên HĐQT;

04. Bà **Hà Thị Hoa**, Người được nhóm cổ đông cá nhân trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết giới thiệu là Thành viên HĐQT.

Từ năm 2021 đến nay theo yêu cầu công tác cán bộ của BSR (cổ đông chi phối), Công ty đã có 02 lần kiện toàn nhân sự HĐQT; đến nay, Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên:

01. Ông **Bùi Tá Vũ**, Chủ tịch HĐQT: Là Người đại diện phần vốn của BSR tại BSPPT, tham gia HĐQT từ ngày 11/02/2026;

02. Ông **Phan Quốc Toàn**, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty: Là Người đại diện phần vốn của BSR tại BSPPT, tham gia HĐQT từ ngày 01/10/2024;

03. Ông **Trần Xuân Thu**, Thành viên HĐQT : Là Người đại diện phần vốn của BSR tại BSPPT, tham gia HĐQT từ ngày 28/4/2021;

04. Ông **Lê Xuân Sơn**, Thành viên: Là Người đại diện phần vốn của BSR tại BSPPT, tham gia từ ngày 28/4/2021;

05. Bà **Hà Thị Hoa**, Thành viên HĐQT: Người được cổ đông/nhóm cổ đông cá nhân giới thiệu, tái cử lần 2 từ ngày 28/4/2021;

2. Ban kiểm soát

Ngày **28/4/2021**, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2025 gồm 03 thành viên; cụ thể:

01. Bà **Đỗ Thị Phương Thúy**, Trưởng Ban kiểm soát;

02. Ông **Phan Bá Công**, Thành viên;

03. Bà **Phạm Thanh Thảo**, Thành viên.

3. Nhân sự kết thúc nhiệm kỳ

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVBLD ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty BSPPT, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về doanh nghiệp các Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát sau đây hết nhiệm kỳ:

Hội đồng quản trị:

+ Ông **Trần Xuân Thu**: Nhân sự do BSR cử và giới thiệu;

+ Ông **Lê Xuân Sơn**: Nhân sự do BSR cử và giới thiệu;

+ Bà **Hà Thị Hoa**: Nhân sự do nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết giới thiệu.

Ban kiểm soát:

+ Bà **Đỗ Thị Phương Thúy**: Nhân sự do BSR giới thiệu;

+ Ông **Phan Bá Công**: Nhân sự do BSR cử và giới thiệu;

+ Bà **Phạm Thanh Thảo**: Nhân sự do nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết giới thiệu.

II. Kiến nghị và đề xuất

Trên cơ sở tình hình nêu trên, nhằm đảm bảo thành phần, số lượng, cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty BSPPT đúng quy định pháp luật và phù hợp với Điều lệ Công ty BSPPT; đồng thời, hướng đến từng bước tinh gọn bộ máy quản lý, phát huy hiệu quả năng lực của từng nhân sự trong nội bộ Công ty; Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn xem xét:

Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm bảo số lượng từ 03 đến 05 thành viên và 03 Thành viên Ban kiểm soát từ danh sách nhân sự được cổ đông

và nhóm cổ đông ứng cử/đề cử/giới thiệu đúng quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên: HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

